

Số: 22 /QĐ-HĐTĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2023/TT-BTC ngày 15/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác;*

*Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;*

Căn cứ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-BTC ngày 01/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1259/UBCK-PTTT ngày 10/02/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 1.2/NQ-HĐTV ngày 12 / 3 /2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc thông qua nội dung Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 18/4/2025 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết.

**Điều 3.** Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán

Việt Nam, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBCKNN (đề b/c);
- VSDC;
- HĐQT, BĐH, BKS;
- Lưu: VT, GSTT (10 b).

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH**



**Lương Hải Sinh**

## QUY CHẾ

### Niên yết và giao dịch chứng khoán niêm yết

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 3 năm 2026  
của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc đăng ký niêm yết, quản lý đăng ký niêm yết, giao dịch chứng khoán niêm yết; xử lý vi phạm đối với tổ chức niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức đăng ký niêm yết và tổ chức niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Thành viên lập quỹ và các tổ chức khác cung cấp các dịch vụ liên quan tới hoạt động huy động vốn, thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ hoán đổi danh mục, quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng niêm yết hoặc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
- Nhà đầu tư tham gia giao dịch chứng khoán niêm yết.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Ngoài các từ ngữ đã được giải thích tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/NĐ-CP), Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (Nghị định số 245/2025/NĐ-CP) trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. VSDC: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
3. SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
4. SGDCKVN: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.
5. Chứng khoán niêm yết bao gồm: cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm, chứng chỉ quỹ đóng và chứng chỉ quỹ ETF.
6. Đăng ký niêm yết: là việc tiến hành các thủ tục để đưa chứng khoán có đủ điều kiện niêm yết vào giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán niêm yết tại SGDCK.
7. Thay đổi đăng ký niêm yết: là việc tiến hành các thủ tục để thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết tại SGDCK.
8. Huỷ bỏ niêm yết: là việc thực hiện các thủ tục để chấm dứt niêm yết chứng khoán tại SGDCK.
9. Tổ chức đăng ký niêm yết: là tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ thực hiện các thủ tục đăng ký niêm yết chứng khoán tại SGDCK.
10. Ngày niêm yết: là ngày Quyết định chấp thuận niêm yết của SGDCK có hiệu lực.
11. Hệ thống giao dịch chứng khoán niêm yết tại SGDCK (sau đây viết tắt là hệ thống giao dịch): là hệ thống công nghệ dùng cho hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết tại SGDCK.
12. Kênh nhập lệnh khẩn cấp: là kênh nhập lệnh để thành viên giao dịch nhập lệnh vào SGDCK trong trường hợp hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên giao dịch bị sự cố.
13. Kênh giao dịch trực tuyến: là việc thành viên giao dịch sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên giao dịch kết nối trực tiếp với hệ thống giao dịch của SGDCK để thực hiện giao dịch chứng khoán theo các quy định hiện hành về giao dịch chứng khoán.
14. Hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên giao dịch: là hệ thống máy tính của thành viên giao dịch kết nối với hệ thống giao dịch để thực hiện giao dịch trực tuyến.
15. Giá thực hiện: là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ giao dịch thỏa thuận.
16. Giá mở cửa: là giá thực hiện tại lần khớp lệnh lô chặn đầu tiên trong ngày giao dịch.
17. Giá đóng cửa: là giá thực hiện tại lần khớp lệnh lô chặn cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện khớp lệnh lô chặn trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá tham chiếu đầu ngày.

18. Giao dịch chứng khoán lô chẵn (sau đây viết tắt là giao dịch lô chẵn): là giao dịch với khối lượng của lệnh là bội số của khối lượng chứng khoán tối thiểu (hay “đơn vị giao dịch”) nhưng không vượt quá khối lượng tối đa được quy định đối với một lệnh lô chẵn.

19. Giao dịch chứng khoán lô lớn (sau đây viết tắt là giao dịch lô lớn): là giao dịch với khối lượng chứng khoán bằng hoặc lớn hơn một khối lượng nhất định được quy định.

20. Giao dịch chứng khoán lô lẻ (sau đây viết tắt là giao dịch lô lẻ): là giao dịch có số lượng chứng khoán nhỏ hơn một đơn vị giao dịch.

21. Quỹ đầu tư: là quỹ đầu tư chứng khoán có chứng chỉ quỹ niêm yết hoặc đang ký niêm yết tại SGDCK.

22. Công ty quản lý quỹ: Là công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán quản lý quỹ đầu tư chứng khoán hoặc công ty đầu tư chứng khoán niêm yết tại SGDCK.

23. Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu là mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF được quy định tại Điều 41 Mục 4 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Mức sai lệch tối đa so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF tại SGDCK là 10%.

## **Chương II**

### **ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN**

#### **Điều 4. Điều kiện niêm yết chứng khoán**

1. Điều kiện niêm yết cổ phiếu tại SGDCK thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Điều kiện niêm yết cổ phiếu của các công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và các trường hợp cơ cấu lại khác được quy định như sau:

a) Điều kiện niêm yết cổ phiếu trên SGDCK của công ty hợp nhất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

b) Điều kiện niêm yết cổ phiếu trên SGDCK của công ty nhận sáp nhập không phải là công ty niêm yết thực hiện theo quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

c) Điều kiện niêm yết cổ phiếu trong trường hợp sáp nhập doanh nghiệp không thuộc quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 36 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

d) Điều kiện niêm yết của công ty đại chúng hình thành sau chia, tách doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các điểm a, d, đ, e khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

đ) Điều kiện niêm yết cổ phiếu trên SGDCK của các công ty trong trường hợp cơ cấu lại khác thực hiện theo quy định tại các điểm b, c khoản 4 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Việc niêm yết trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

4. Việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

5. Điều kiện niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 123 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

### **Điều 5. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán**

#### **1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu:**

a) Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty đã giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM tối thiểu hai (02) năm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 110 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 111a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của các công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và các trường hợp cơ cấu lại khác:

a) Hồ sơ đăng ký niêm yết của công ty hợp nhất thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 113 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hồ sơ đăng ký niêm yết của công ty nhận sáp nhập không phải là công ty niêm yết thực hiện theo quy định tại các khoản 4, 5 Điều 114 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Trường hợp sáp nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký niêm yết thực hiện theo quy

định tại khoản 2 Điều 110 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

d) Hồ sơ đăng ký niêm yết của công ty sau chia, tách doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6 Điều 115 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

đ) Hồ sơ đăng ký niêm yết của các công ty trong trường hợp cơ cấu lại khác thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 116 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu doanh nghiệp thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 44 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục và cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

5. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành nước ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 124 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 49 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

6. Việc đăng ký niêm yết lại cổ phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 122 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

7. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Thủ tục đăng ký niêm yết và chính thức giao dịch**

1. Việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu báo cáo cho SGDCK thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử hồ sơ đăng ký niêm yết cho SGDCK.

Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty đại chúng chưa thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thì thực hiện thủ tục thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trước khi nộp hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 3 Điều 141 và Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 58 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu không thuộc trường hợp đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, thủ tục đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 111 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có công văn gửi tổ chức đăng ký niêm yết nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

b) Tổ chức đăng ký niêm yết phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày SGDCK có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Quá thời hạn trên, nếu tổ chức đăng ký niêm yết không hoàn thiện hồ sơ, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có Quyết định chấp thuận niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp từ chối niêm yết, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết có trách nhiệm thanh toán giá dịch vụ đăng ký niêm yết và giá dịch vụ quản lý niêm yết của năm được chấp thuận niêm yết cho SGDCK theo quy định tại Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, VSDC và thực hiện công bố thông tin về việc được chấp thuận đăng ký niêm yết trên trang thông tin điện tử của tổ chức đăng ký niêm yết.

đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết phải đưa chứng khoán vào giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức niêm yết không đưa chứng khoán vào giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết, chứng khoán sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm đ khoản 3 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ban hành quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết), giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên theo Mẫu NY-01A kèm theo Quy chế này. SGDCK ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu/chứng chỉ quỹ chấp thuận niêm yết sau khi SGDCK nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của VSDC về việc cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đó đã đăng ký tại VSDC. Trường hợp SGDCK đã thông báo ngày giao dịch đầu tiên, tổ chức niêm yết không được thay đổi trong vòng 07 ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên đã thông báo.

3. Thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định tại Điều 111a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có công văn gửi tổ chức đăng ký niêm yết nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

b) Tổ chức đăng ký niêm yết phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày SGDCK có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Quá thời hạn trên, nếu tổ chức đăng ký niêm yết không hoàn thiện hồ sơ, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 111a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, SGDCK có văn bản thông báo cho tổ chức đăng ký niêm yết về việc đáp ứng điều kiện là công ty cổ phần có vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký niêm yết từ 30 tỷ đồng trở lên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện quy định tại điểm c, e, g khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Văn bản của SGDCK thông báo cho tổ chức đăng ký niêm yết phải đồng thời gửi UBCKNN.

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được thông báo của UBCKNN về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, SGDCK có văn bản yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết bổ sung tài liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 111a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBCKNN có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức đăng ký niêm yết có trách nhiệm gửi bổ sung cho SGDCK các tài liệu quy định tại điểm d khoản này.

e) Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết không hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày SGDCK có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản này, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết.

g) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được các tài liệu hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6 Quy chế này, trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đáp ứng điều kiện về giá trị vốn hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 109 và các điều kiện quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu. Trường hợp từ chối, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

h) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết có trách nhiệm thanh toán giá dịch vụ đăng ký niêm yết và giá dịch vụ quản lý niêm yết của năm được chấp thuận niêm yết cho SGDCK theo quy định tại Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, VSDC.

i) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết phải đưa chứng khoán vào giao dịch theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức niêm yết không đưa chứng khoán vào giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết, chứng khoán sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

k) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ban hành quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết), giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên theo Mẫu NY-01A kèm theo Quy chế này. SGDCK ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu chấp thuận niêm yết sau khi SGDCK nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của VSDC về việc cổ phiếu đó đã đăng ký tại VSDC. Trường hợp SGDCK đã thông báo ngày giao dịch đầu tiên, tổ chức niêm yết không được thay đổi trong vòng 07 ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên đã thông báo.

4. Thủ tục đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có công văn gửi tổ chức đăng ký niêm yết nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 155/2020NĐ-CP.

5. Thủ tục đăng ký niêm yết trái phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 44 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, trong đó:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có công văn gửi tổ chức đăng ký niêm yết nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 155/2020NĐ-CP.

b) Tổ chức đăng ký niêm yết phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày SGDCK có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo quy định tại khoản 8 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Quá thời hạn trên, nếu tổ chức đăng ký niêm yết không hoàn thiện hồ sơ, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có Quyết định chấp thuận niêm yết theo quy định tại khoản 3 Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Trường hợp từ chối niêm yết, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết có trách nhiệm thanh toán giá dịch vụ đăng ký niêm yết và giá dịch vụ quản lý niêm yết của năm được chấp thuận niêm yết cho SGDCK theo quy định tại Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, VSDC và thực hiện công bố thông tin về việc được chấp thuận đăng ký niêm yết trên trang thông tin điện tử của tổ chức đăng ký niêm yết.

đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết phải đưa trái phiếu vào giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 118 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 44 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức niêm yết không đưa trái phiếu vào giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận niêm yết, trái phiếu sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ban hành quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu niêm yết (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được văn bản đề nghị của tổ chức đăng ký niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày SGDCK có quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết). SGDCK ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với trái phiếu chấp thuận niêm yết sau khi SGDCK nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho trái phiếu niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết và văn bản của VSDC về việc trái phiếu đó đã đăng ký tại VSDC. Trường hợp SGDCK đã thông báo ngày giao dịch đầu tiên, tổ chức niêm yết không được thay đổi trong vòng 07 ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên đã thông báo.

### **Chương III**

## **TIẾP TỤC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CỦA DOANH NGHIỆP SAU SÁP NHẬP, CHIA TÁCH DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP CƠ CẤU LẠI KHÁC**

**Điều 7. Điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục tiếp tục niêm yết cổ phiếu sau sáp nhập**

1. Điều kiện tiếp tục niêm yết cổ phiếu của công ty nhận sáp nhập thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu sau sáp nhập quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 114 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu sau sáp nhập quy định tại điểm b khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 114 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu sau sáp nhập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

5. Trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết đối với trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 114 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

6. Trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết đối với trường hợp quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 114 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

7. SGDCK thông báo ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung trên cơ sở đề nghị của tổ chức niêm yết theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 114 được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

**Điều 8. Điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục tiếp tục niêm yết cổ phiếu sau tách doanh nghiệp**

1. Điều kiện tiếp tục niêm yết cổ phiếu của công ty sau tách doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu đối với trường hợp tách doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 42 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu đối với trường hợp tách doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 115 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 115 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 42 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục tiếp tục niêm yết đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 115 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 42 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

6. SGDCK thông báo ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu niêm yết mới sau khi hoàn tất tách doanh nghiệp trên cơ sở đề nghị của tổ chức niêm yết theo quy định tại khoản 6 Điều 111a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

**Điều 9. Điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục tiếp tục niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu lại khác**

1. Điều kiện tiếp tục niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu lại khác được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu lại khác theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, khoản 5 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Trình tự thủ tục tiếp tục niêm yết theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 116 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

4. SGDCK thông báo ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu mới niêm yết (nếu có) trên cơ sở đề nghị của tổ chức niêm yết theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 114 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

#### **Chương IV**

### **THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

**Điều 10. Các trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết**

1. Các trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng khi thay đổi số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết không thuộc trường hợp sáp nhập, tách công ty hoặc các trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 117 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 118a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 45 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

**Điều 11. Hồ sơ, trình tự thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng khi thay đổi số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết không thuộc trường hợp sáp nhập, tách công ty hoặc các trường hợp cơ cấu lại doanh nghiệp**

1. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 43 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Trình tự thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 117 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi hoặc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành hoặc kể từ ngày thay đổi số lượng cổ phiếu niêm yết khác, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 117 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết, SGDCK có công văn gửi tổ chức niêm yết nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có trách nhiệm chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết.

d) Ngoại trừ trường hợp thay đổi giảm số lượng cổ phiếu do mua lại cổ phiếu quỹ, trường hợp chứng khoán niêm yết bổ sung bao gồm chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ban hành quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết, tổ chức niêm yết phải đăng ký ngày giao dịch cho số lượng chứng khoán mới (ngày giao dịch phải sau ít nhất 06 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK nhận được văn bản đề nghị của tổ chức niêm yết nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết) theo Mẫu NY-01B kèm theo Quy chế này và hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán mới vào giao dịch. SGDCK ra thông báo ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng chấp thuận niêm yết sau khi SGDCK nhận được giấy đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu/chứng chỉ quỹ niêm yết của tổ chức niêm yết và văn bản của VSDC về việc chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng đăng ký. Trường hợp chứng khoán niêm yết bổ sung bao gồm chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, tổ chức niêm yết đồng

thời đăng ký ngày giao dịch của chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng tại một thời điểm xác định sau khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 117 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo của VSDC về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF đăng ký bổ sung hoặc bị hủy đăng ký sau giao dịch hoán đổi, SGDCK sẽ thông báo ra thị trường về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF thay đổi đăng ký niêm yết (tăng hoặc giảm) do giao dịch hoán đổi tương ứng.

đ) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ban hành Quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết chứng khoán, tổ chức niêm yết thực hiện thanh toán giá dịch vụ thay đổi đăng ký niêm yết và giá dịch vụ quản lý niêm yết (nếu phát sinh) cho SGDCK theo quy định hiện hành.

### **Điều 12. Hồ sơ, trình tự thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu**

1. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 118a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 45 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 118a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 45 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP cụ thể như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu hoặc kể từ ngày thay đổi số lượng trái phiếu niêm yết, tổ chức niêm yết phải nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu, SGDCK có công văn gửi tổ chức niêm yết nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, SGDCK có trách nhiệm chấp thuận thay đổi đăng ký niêm yết.

### **Điều 13. Hồ sơ, trình tự thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm**

1. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 5, 6, 7 Điều 119a Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, SGDCK có công văn gửi tổ chức niêm yết chứng quyền có bảo đảm nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

**Chương V**  
**QUẢN LÝ GIAO DỊCH**

**Mục 1**

**TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH**

**Điều 14. Quy tắc chung**

1. Chứng khoán niêm yết tại SGDCK được giao dịch trên hệ thống giao dịch của SGDCK, ngoại trừ các trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-TC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư số 68/2024/TT-BTC) và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC, Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC (Thông tư số 08/2026/TT-BTC) và các trường hợp xử lý lỗi sau giao dịch thực hiện qua hệ thống của VSDC theo các quy định hiện hành.

2. Các giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch được thực hiện qua thành viên giao dịch. Hệ thống giao dịch của SGDCK chỉ nhận lệnh từ thành viên giao dịch thông qua kênh nhập lệnh khẩn cấp và hệ thống giao dịch trực tuyến của thành viên giao dịch.

3. Nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng khoán niêm yết theo quy định tại Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán (Thông tư số 120/2020/TT-BTC) được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại Điều 1 Thông tư số 68/2024/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 08/2026/TT-BTC.

4. SGDCK thực hiện công bố thông tin các nội dung về tổ chức hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo

Quy chế này tương ứng với hoạt động giao dịch của các SGDCK trên trang thông tin điện tử của SGDCK.

5. SGDCK thực hiện công bố thông tin về giao dịch theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 68/2024/TT-BTC. Trong đó, ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất trong đợt khớp lệnh định kỳ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Thông tư số 96/2020/TT-BTC là ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh kèm theo khối lượng đặt mua, bán dự kiến còn lại sau khi khớp lệnh tương ứng với các mức giá đó.

#### **Điều 15. Thời gian và phương thức giao dịch**

1. SGDCK tổ chức giao dịch chứng khoán niêm yết từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động.

2. SGDCK tổ chức giao dịch chứng khoán niêm yết thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức giao dịch khớp lệnh và phương thức giao dịch thỏa thuận theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

#### **Điều 16. Tạm ngừng, đình chỉ, khôi phục hoạt động giao dịch**

1. Việc tạm ngừng, đình chỉ hoạt động giao dịch trên hệ thống giao dịch thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Chứng khoán.

2. Việc khôi phục hoạt động giao dịch trên hệ thống giao dịch sau khi tạm ngừng, đình chỉ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Chứng khoán.

#### **Điều 17. Cơ chế ngắt mạch thị trường**

Cơ chế ngắt mạch thị trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

#### **Điều 18. Xác lập và loại bỏ giao dịch**

1. Xác lập giao dịch

a) Giao dịch chứng khoán được xác lập khi hệ thống giao dịch thực hiện khớp lệnh mua và lệnh bán theo phương thức khớp lệnh hoặc ghi nhận giao dịch theo phương thức thỏa thuận.

b) Bên mua và bên bán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch chứng khoán đã được xác lập.

2. SGDCK báo cáo SGDCKVN, đồng thời báo cáo, kiến nghị UBCKNN thực hiện loại bỏ đối với giao dịch đã được xác lập sau khi được UBCKNN chấp thuận trong các trường hợp sau đây:

a) Hệ thống giao dịch gặp sự cố vì các nguyên nhân bất khả kháng như lỗi hệ thống, thiên tai, hỏa hoạn...

b) Giao dịch đã được xác lập vi phạm quy định giao dịch, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường.

### **Điều 19. Lệnh giao dịch**

1. Các loại lệnh giao dịch áp dụng tại từng SGDKC thực hiện quy định tại Phụ lục III Quy chế này.

2. Các loại lệnh giao dịch gồm:

a) Lệnh giới hạn (ký hiệu lệnh LO):

- Lệnh LO là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc mức giá cao hơn mức giá xác định đối với lệnh bán và mức giá thấp hơn mức giá xác định đối với lệnh mua.

- Lệnh LO được phép nhập vào hệ thống giao dịch trong đợt khớp lệnh liên tục và đợt khớp lệnh định kỳ.

- Lệnh LO có hiệu lực kể từ khi nhập vào hệ thống giao dịch cho đến khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ đóng cửa hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

b) Lệnh thị trường:

- Lệnh thị trường chỉ được nhập vào hệ thống giao dịch trong đợt khớp lệnh liên tục.

Các loại lệnh thị trường:

- Lệnh thị trường (ký hiệu lệnh MP) là lệnh mua chứng khoán tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường. Lệnh thị trường sẽ bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập nếu không có lệnh đối ứng. Khi có lệnh đối ứng, lệnh thị trường được thực hiện theo quy định đối với từng loại lệnh thị trường như sau:

- Lệnh thị trường giới hạn (ký hiệu lệnh MTL) là lệnh nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh LO mua với mức giá cao hơn mức giá khớp lệnh cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá trần nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá trần (đối với lệnh mua) hoặc lệnh LO bán với mức giá thấp hơn mức giá khớp lệnh cuối cùng một đơn vị yết giá hoặc mức giá sàn nếu mức giá khớp lệnh cuối cùng là giá sàn (đối với lệnh bán). Lệnh MTL được chuyển thành lệnh LO phải tuân thủ các quy định về sửa, hủy đối với lệnh LO.

- Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (ký hiệu lệnh MOK) là lệnh nếu không được thực hiện toàn bộ thì bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập.

- Lệnh thị trường khớp và hủy (ký hiệu lệnh MAK) là lệnh có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần, phần còn lại của lệnh sẽ bị hủy ngay sau khi khớp lệnh.

c) Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (ký hiệu lệnh ATO) là lệnh mua hoặc bán chứng khoán được hệ thống giao dịch ghi nhận giá đặt lệnh theo nguyên tắc sau:

- Nếu chỉ có lệnh ATO trên sổ lệnh:

+ Là giá tham chiếu nếu trên sổ lệnh chỉ có lệnh mua ATO hoặc lệnh bán ATO hoặc tổng khối lượng lệnh bên mua bằng tổng khối lượng lệnh bên bán.

+ Là mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá tham chiếu nếu tổng khối lượng lệnh bên mua lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên bán. Nếu mức giá được xác định này cao hơn mức giá trần thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá trần.

+ Là mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá tham chiếu nếu tổng khối lượng lệnh bên bán lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên mua. Nếu mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá sàn.

- Nếu có lệnh giới hạn trên sổ lệnh:

+ Giá của lệnh ATO mua được xác định là giá cao nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá mua cao nhất cộng một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này cao hơn mức giá trần thì được xác định là giá trần), giá bán cao nhất của bên đối ứng và giá tham chiếu.

+ Giá của lệnh ATO bán được xác định là giá thấp nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá bán thấp nhất trừ một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này thấp hơn mức giá sàn thì được xác định là giá sàn), giá mua thấp nhất của bên đối ứng và giá tham chiếu.

Lệnh ATO được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá mở cửa. Sau thời điểm xác định giá mở cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

Lệnh ATO không được ưu tiên trước lệnh giới hạn mua giá trần hoặc lệnh giới hạn bán giá sàn đã nhập vào hệ thống trước đó.

d) Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ký hiệu lệnh ATC) là lệnh mua hoặc bán chứng khoán được hệ thống giao dịch ghi nhận giá đặt lệnh theo nguyên tắc sau:

- Nếu chỉ có lệnh ATC trên sổ lệnh:

+ Là giá thực hiện gần nhất hoặc là giá tham chiếu (trường hợp không có giá thực hiện gần nhất) nếu trên sổ lệnh chỉ có lệnh mua ATC hoặc lệnh bán ATC hoặc tổng khối lượng lệnh bên mua bằng tổng khối lượng lệnh bên bán.

+ Là mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện gần nhất trước đó nếu tổng khối lượng lệnh bên mua lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên bán; Nếu mức giá được xác định này cao hơn mức giá trần thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá trần.

+ Là mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện gần nhất trước đó nếu tổng khối lượng lệnh bên bán lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên mua; Nếu

mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá sàn.

- Nếu có lệnh giới hạn trên số lệnh:

+ Giá của lệnh ATC mua được xác định là giá cao nhất trong 03 mức giá sau: Giá mua cao nhất cộng 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá này cao hơn mức giá trần thì được xác định là giá trần), giá bán cao nhất của bên đối ứng, giá thực hiện gần nhất hoặc giá tham chiếu trong trường hợp không có giá thực hiện gần nhất.

+ Giá của lệnh ATC bán được xác định là giá thấp nhất trong 03 mức giá sau: Giá bán thấp nhất trừ 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá này thấp hơn mức giá sàn thì được xác định là giá sàn), giá mua thấp nhất của bên đối ứng, giá thực hiện gần nhất hoặc giá tham chiếu trong trường hợp không có giá thực hiện gần nhất.

Lệnh ATC được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá đóng cửa. Sau thời điểm xác định giá đóng cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được hiện hết sẽ hết hiệu lực.

Lệnh ATC không được ưu tiên trước lệnh giới hạn mua giá trần hoặc lệnh giới hạn bán giá sàn đã nhập vào hệ thống trước đó.

d) Lệnh giao dịch khớp lệnh sau giờ là lệnh được nhập vào hệ thống để chờ khớp trong một khoảng thời gian nhất định. Kết thúc thời điểm này, lệnh sẽ được khớp trên cơ sở phân bổ theo khối lượng lệnh nhập vào hệ thống. Giá khớp lệnh là giá khớp cuối cùng khi kết thúc giao dịch khớp lệnh lô chẵn. Trong trường hợp không có giá khớp lệnh giao dịch lô chẵn, lệnh giao dịch khớp lệnh sau giờ sẽ không được nhập vào hệ thống.

e) Giá của các loại lệnh ATO hoặc ATC được hiển thị theo nguyên tắc sau:

- Trường hợp chỉ còn dư mua hoặc dư bán của lệnh ATO hoặc ATC: Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC mua hoặc bán là giá khớp dự kiến. Trường hợp chưa có giá khớp dự kiến giá hiển thị là giá khớp lệnh gần nhất hoặc giá tham chiếu (trường hợp chưa có giá khớp gần nhất).

- Trường hợp còn dư mua hoặc dư bán của lệnh giới hạn:

+ Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC mua là giá dư mua cao nhất cộng 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá được xác định này cao hơn mức giá trần thì hiển thị là giá trần).

+ Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC bán là giá dư bán thấp nhất trừ 01 đơn vị yết giá (nếu mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hiển thị là giá sàn).

## **Điều 20. Nội dung lệnh giao dịch**

1. Số hiệu lệnh.
2. Loại lệnh.
3. Lệnh mua hoặc bán.

4. Mã chứng khoán.
5. Khối lượng.
6. Giá (nếu có).
7. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư.

**Điều 21. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch khớp lệnh**

SGDCK xác nhận kết quả giao dịch theo phương thức khớp lệnh với các nội dung sau:

1. Số hiệu lệnh giao dịch.
2. Số hiệu xác nhận giao dịch.
3. Loại lệnh.
4. Mã chứng khoán.
5. Giá thực hiện.
6. Khối lượng thực hiện.
7. Thời gian giao dịch được thực hiện.
8. Lệnh mua hoặc bán.
9. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư.
10. Mã thành viên giao dịch.
11. Các nội dung khác theo quy định của SGDCKVN.

**Điều 22. Nguyên tắc khớp lệnh và xác định giá khớp lệnh**

1. Hệ thống giao dịch thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian, cụ thể như sau:

a) Ưu tiên về giá:

- Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.
- Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

b) Ưu tiên về thời gian: Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

2. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh định kỳ:

a) Là mức giá thực hiện mà tại đó khối lượng giao dịch đạt lớn nhất và tất cả các lệnh mua có mức giá cao hơn, lệnh bán có mức giá thấp hơn giá được chọn phải được thực hiện hết.

b) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm a khoản này, mức giá được lựa chọn thực hiện là mức giá tại đó các lệnh của một bên phải được thực hiện hết, các lệnh của bên đối ứng phải được thực hiện hết hoặc một phần.

c) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm b khoản này, mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với mức giá thực hiện gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

d) Trường hợp không có mức giá nào thỏa mãn điểm b khoản này, mức giá được chọn là mức giá thỏa mãn điểm a khoản này và trùng hoặc gần với giá thực hiện gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

3. Nguyên tắc xác định giá khớp lệnh liên tục: Giá thực hiện là giá của lệnh đối ứng đang chờ trên sổ lệnh.

### **Điều 23. Sửa, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh**

1. Việc sửa, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.

2. Trong phiên khớp lệnh định kỳ mở cửa: không được phép sửa, hủy các lệnh LO, ATO.

3. Trong phiên khớp lệnh liên tục: Lệnh LO được phép sửa giá, khối lượng (không được sửa đồng thời thông tin khối lượng và giá trên cùng một lệnh đặt) và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa lệnh được xác định như sau:

a) Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng.

b) Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng hoặc sửa giá.

4. Trong phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa: không được phép sửa, hủy các lệnh LO, ATC (bao gồm cả các lệnh LO được chuyển từ phiên khớp lệnh liên tục sang).

5. Trong phiên giao dịch sau giờ: Lệnh của phiên giao dịch sau giờ không được phép sửa, hủy.

6. Không thực hiện sửa hoặc hủy lệnh chéo giữa hai kênh giao dịch trực tuyến và kênh nhập lệnh khẩn cấp.

### **Điều 24. Nội dung lệnh giao dịch thỏa thuận**

1. Nội dung lệnh chào giao dịch thỏa thuận theo phương thức thỏa thuận trên hệ thống giao dịch bao gồm:

a) Mã chứng khoán.

b) Khối lượng.

c) Giá.

d) Lệnh chào mua hoặc bán.

đ) Thông tin liên hệ ( số điện thoại của bên đặt lệnh chào thỏa thuận).

e) Mã nhận diện lệnh.

2. Nội dung lệnh giao dịch theo phương thức thỏa thuận do thành viên giao dịch bên mua và bên bán nhập vào hệ thống giao dịch gồm:

- a) Mã chứng khoán.
- b) Giá thực hiện.
- c) Khối lượng.
- d) Tài khoản nhà đầu tư mua.
- đ) Tài khoản nhà đầu tư bán.
- e) Mã nhận diện giao dịch thỏa thuận.
- g) Mã nhận diện lệnh.
- h) Các nội dung khác bắt buộc theo giao thức đặt lệnh.

**Điều 25. Nội dung xác nhận kết quả giao dịch thỏa thuận**

SGDCK xác nhận kết quả giao dịch theo phương thức thỏa thuận với các nội dung sau:

1. Mã chứng khoán.
2. Số hiệu lệnh gốc.
3. Số hiệu lệnh liên quan.
4. Giá.
5. Khối lượng.
6. Trạng thái giao dịch.
7. Thời gian hoàn tất giao dịch trên hệ thống.
8. Ký hiệu thành viên giao dịch bên mua hoặc bên bán.
9. Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư bên mua hoặc bên bán.

**Điều 26. Thực hiện giao dịch thỏa thuận**

1. Giao dịch thỏa thuận không áp dụng trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết, chứng chỉ quỹ ETF, chứng chỉ quỹ đóng, chứng quyền có bảo đảm niêm yết và chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch liên tiếp từ 25 ngày giao dịch cho đến khi có giá được xác lập từ kết quả của khớp lệnh lô chẵn.

2. Giao dịch thỏa thuận cổ phiếu niêm yết, chứng chỉ quỹ ETF, chứng chỉ quỹ đóng, chứng quyền có bảo đảm niêm yết phải tuân theo quy định về biên độ dao động giá trong ngày.

3. Giao dịch thỏa thuận được thực hiện theo nguyên tắc bên bán hoặc bên mua nhập lệnh giao dịch vào hệ thống và bên còn lại xác nhận giao dịch thỏa thuận.

4. Không thực hiện giao dịch thỏa thuận giữa kênh nhập lệnh khẩn cấp và kênh giao dịch trực tuyến.

5. SGDCK ban hành quy trình hướng dẫn về trình tự thực hiện giao dịch thỏa thuận.

### **Điều 27. Sửa, hủy giao dịch thỏa thuận**

Giao dịch thỏa thuận đã thực hiện trên hệ thống giao dịch không được phép sửa, hủy.

### **Điều 28. Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài**

1. Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định về giao dịch chứng khoán tại khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm b khoản 56 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua được tính toán theo nguyên tắc sau:

a) Đối với giao dịch khớp lệnh:

- Khối lượng mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được trừ vào khối lượng còn được phép mua ngay sau khi lệnh mua được nhập vào hệ thống.

- Lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài nhập vào hệ thống giao dịch sẽ không được chấp nhận nếu khối lượng còn được phép mua nhỏ hơn khối lượng đặt mua.

- Trường hợp lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được sửa giảm khối lượng, khối lượng còn được phép mua tăng bằng khối lượng được giảm của lệnh ngay sau khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống.

- Trường hợp lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được sửa tăng khối lượng, khối lượng còn được phép mua giảm bằng khối lượng được tăng ngay sau khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống. Trường hợp khối lượng còn được phép mua nhỏ hơn khối lượng được tăng, hệ thống giao dịch sẽ không chấp nhận lệnh sửa.

- Trường hợp lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài bị hủy bỏ bởi nhà đầu tư hoặc hệ thống giao dịch, khối lượng còn được phép mua tăng bằng khối lượng bị hủy bỏ.

b) Đối với giao dịch thỏa thuận:

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được giảm xuống ngay sau khi lệnh thỏa thuận bên mua được nhập vào hệ thống giao dịch nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài mua với một nhà đầu tư trong nước bán.

- Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua hủy lệnh giao dịch thỏa thuận với một nhà đầu tư trong nước bán, khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn

được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tăng lên ngay sau khi lệnh hủy được nhập vào hệ thống.

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai nhà đầu tư nước ngoài với nhau.

3. Hệ thống giao dịch hiển thị thông tin lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng niêm yết theo nguyên tắc như sau:

a) Lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng mua của toàn thị trường tại từng mức giá cho đến khi hết khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài.

b) Hệ thống giao dịch cập nhật thông tin lệnh chào mua của nhà đầu tư nước ngoài và điều chỉnh việc hiển thị mỗi khi lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được nhập vào hệ thống hoặc bị hủy bỏ.

4. Khối lượng chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua trong mỗi ngày giao dịch được tính toán trên số liệu do VSDC cung cấp cho SGDCK theo các quy trình và thỏa thuận làm việc giữa hai đơn vị.

5. Thành viên giao dịch có trách nhiệm kiểm soát các giao dịch thỏa thuận của nhà đầu tư nước ngoài theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm b khoản 56 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

## Mục 2

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG, CHỨNG CHỈ QUỸ ETF, CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

#### Điều 29. Đơn vị giao dịch

1. Đơn vị giao dịch khớp lệnh thực hiện theo thông báo của SGDCK theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

2. Đơn vị giao dịch đối với giao dịch thỏa thuận hiện theo thông báo của SGDCK theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

3. Giao dịch lô lẻ cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Quy chế này.

4. SGDCKVN quyết định thay đổi đơn vị giao dịch sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

#### Điều 30. Đơn vị yết giá

1. Đơn vị yết giá đối với giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

2. Đơn vị yết giá đối với giao dịch theo phương thức thỏa thuận theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

### **Điều 31. Biên độ dao động giá và giới hạn dao động giá**

1. SGDKVN quy định biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.

2. Biên độ dao động giá đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

3. Biên độ giao động giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục III Quy chế này đối với các trường hợp:

a) Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu và chứng chỉ quỹ mới niêm yết cho đến khi xác lập được giá từ kết quả khớp lệnh lô chắn.

b) Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch từ 25 ngày giao dịch liên tiếp trở lên cho đến khi xác lập được giá từ kết quả khớp lệnh lô chắn.

c) Trường hợp trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu trong ngày không hưởng quyền.

d) Trường hợp trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền.

đ) Ngày giao dịch không hưởng quyền, ngày giao dịch trở lại đối với cổ phiếu trong trường hợp tách doanh nghiệp.

e) Ngày giao dịch không hưởng quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu.

### **Điều 32. Xác định giá trần, giá sàn**

1. Giá trần và giá sàn trong ngày giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được tính toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và làm tròn xuống đối với giá trần, làm tròn lên đối với giá sàn theo đơn vị yết giá quy định tại Điều 30 Quy chế này.

2. Giá trần và giá sàn xác định như sau:

a) Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF:

Giá trần = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu × Biên độ dao động giá)

Giá sàn = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu × Biên độ dao động giá)

b) Đối với chứng quyền có bảo đảm: Giá trần/sàn trong ngày giao dịch đầu tiên và ngày giao dịch thông thường của chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu được xác định như sau:

Giá trần = Giá tham chiếu chứng quyền + (giá trần của cổ phiếu cơ sở - Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở) × 1/Tỷ lệ chuyển đổi

Giá sàn = Giá tham chiếu chứng quyền - (giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở - giá sàn cổ phiếu cơ sở) × 1/Tỷ lệ chuyển đổi

Trường hợp giá sàn của chứng quyền nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ là đơn vị yết giá nhỏ nhất.

3. Trong trường hợp giá trần hoặc giá sàn của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này bằng giá tham chiếu, giá trần và giá sàn sẽ được thực hiện điều chỉnh như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu - 01 đơn vị yết giá

Giá trị của đơn vị yết giá thực hiện theo quy định tại Điều 30 Quy chế này.

4. Trong trường hợp giá sàn điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều này nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ được điều chỉnh bằng giá tham chiếu.

5. Trong trường hợp sau khi tính toán, giá tham chiếu bằng đơn vị yết giá, giới hạn dao động giá được xác định lại như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + 01 đơn vị yết giá

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu

Giá trị của đơn vị yết giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Quy chế này.

### **Điều 33. Giá tham chiếu**

1. Việc xác định giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên được quy định như sau:

a) Giá tham chiếu được áp dụng đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên do tổ chức niêm yết đề xuất. Tổ chức niêm yết gửi tài liệu, báo cáo phương pháp xác định giá tham chiếu, nguyên tắc và các dữ liệu tài chính tại báo cáo tài chính hoặc tài liệu liên quan khác để xác định giá tham chiếu. Đối với chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định như sau:

Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá phát hành của chứng quyền × (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền / Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày thông báo phát hành chứng quyền) × (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày thông báo phát hành chứng quyền / Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên).

b) Trường hợp trong 03 ngày giao dịch liên tục kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF chưa xác định được mức giá đóng cửa để sử dụng là giá tham chiếu trong ngày giao dịch kế tiếp, tổ chức niêm yết phải có công văn xác định lại giá tham chiếu, gửi SGDCK trước 16h30 ngày thứ ba không xác định được giá tham chiếu.

2. Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm trong ngày giao dịch là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

3. Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch từ 25 ngày giao dịch liên tiếp trở lên, khi được giao dịch trở lại do SGDCK quyết định.

4. Trường hợp giao dịch chứng khoán không được hưởng cổ tức và các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị của các quyền kèm theo, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng với giá phát hành cao hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).

b) Doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền với giá trị số tiền lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền.

c) Doanh nghiệp thực hiện trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.

5. Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.

6. Các trường hợp không điều chỉnh giá tham chiếu gồm:

- Phát hành trái phiếu chuyển đổi (gồm cả phát hành cho cổ đông hiện hữu).
- Phát hành chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán cho nhà đầu tư không phải là cổ đông hiện hữu.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
- Phát hành cổ phiếu bổ sung theo phương án hoán đổi từ các giao dịch sáp nhập.
- Tổ chức niêm yết thực hiện giám vốn điều lệ.
- Chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu.
- Các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu.

7. Đối với chứng quyền mua, giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên sau khi bị tạm ngừng giao dịch từ hai mươi lăm (25) ngày giao dịch liên tiếp trở lên được xác định như sau: Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá đóng cửa của chứng quyền vào ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch x (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại/ Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch) x (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng

giao dịch chứng quyền/Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại).

8. Giá tham chiếu được làm tròn theo đơn vị yết giá theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Quy chế này.

#### **Điều 34. Giao dịch lô lẻ**

1. Giao dịch lô lẻ được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung và phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch.

2. Nhà đầu tư chỉ được phép nhập lệnh LO đối với giao dịch lô lẻ và phải tuân thủ quy định về sửa, hủy lệnh LO tương tự đối với giao dịch lô chẵn.

3. Đơn vị giao dịch lô lẻ là 01 cổ phiếu hoặc chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm.

4. Giá giao dịch:

a) Giá của lệnh giao dịch lô lẻ phải tuân thủ theo các quy định về giá giao dịch tương tự giao dịch lô chẵn.

b) Các lệnh giao dịch lô lẻ không được sử dụng để xác định giá tham chiếu, giá tính chỉ số.

5. Giao dịch lô lẻ của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm mới niêm yết hoặc giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch từ 25 ngày giao dịch liên tiếp trở lên không được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến khi có giá được xác lập từ kết quả giao dịch khớp lệnh lô chẵn.

6. SGDCK có trách nhiệm tổ chức giao dịch lô lẻ theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

#### **Điều 35. Tổ chức niêm yết giao dịch cổ phiếu của chính mình**

1. Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu của chính mình thực hiện theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC và khoản 4 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 89 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu của chính mình được bán ra cổ phiếu đã mua theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

3. Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu của chính mình trước ngày 01/01/2021, được bán ra cổ phiếu đã mua theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC.

#### **Điều 36. Điều chỉnh chứng quyền có bảo đảm**

1. Tổ chức phát hành thực hiện điều chỉnh chứng quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm (Thông tư số 122/2025/TT-BTC).

2. Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới. Các trường hợp điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của SGDCK.

3. Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi khi điều chỉnh chứng quyền như sau:

a) Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

b) Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

c) Nguyên tắc làm tròn: Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến hàng đơn vị, tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

4. Tổ chức phát hành công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền (theo Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP) trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có giá đóng cửa của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền.

### **Điều 37. Giá thanh toán chứng quyền và giá mua lại chứng quyền**

#### **1. Giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền**

Tổ chức phát hành thực hiện tính toán và công bố giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền. Đối với chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu, giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

Trường hợp xảy ra sự kiện doanh nghiệp của cổ phiếu cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền của sự kiện doanh nghiệp đó sẽ được điều chỉnh tương ứng với sự kiện doanh nghiệp đó và theo công thức sau (làm tròn số học theo đơn vị yết giá):

Giá đóng cửa điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở = Giá đóng cửa cổ phiếu cơ sở x (Giá tham chiếu cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền + Giá đóng cửa cổ phiếu cơ sở liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền).

2. Giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực trong trường hợp hủy niêm yết trước khi đáo hạn

Công thức xác định giá thanh toán phải được tổ chức phát hành quy định tại Bản cáo bạch. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày Quyết định hủy bỏ niêm yết chứng quyền được ban hành, tổ chức phát hành phải công bố cách thức

xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực, bao gồm các căn cứ xác định các thông số tính toán giá thanh toán.

### 3. Giá mua lại chứng quyền

Giá mua lại chứng quyền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực là mức giá thị trường và phải tuân thủ theo các quy định về tạo lập thị trường của SGDCK.

## Mục 3

### GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

#### Điều 38. Đơn vị yết giá và giới hạn dao động giá

1. Đơn vị yết giá đối với giao dịch trái phiếu niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

2. Không quy định giới hạn dao động giá đối với giao dịch trái phiếu niêm yết.

#### Điều 39. Các quy định về giao dịch

1. Đơn vị giao dịch, khối lượng giao dịch tối thiểu thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này. Giá thực hiện trong giao dịch trái phiếu là giá gộp lãi bao gồm giá yết và lãi suất cuống phiếu gộp tính từ kỳ trả lãi cuống phiếu gần nhất đến ngày giao dịch.

2. SGDCKVN quyết định thay đổi đơn vị giao dịch đối với trái phiếu niêm yết khi cần thiết sau khi được UBCKNN chấp thuận.

3. Các quy định khác về giao dịch trái phiếu niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

## Chương VI

### CẢNH BÁO, KIỂM SOÁT, HẠN CHẾ, TẠM NGỪNG, ĐÌNH CHỈ GIAO DỊCH

#### Mục 1

### ĐỐI VỚI CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LÀ CỔ PHIẾU

#### Điều 40. Cảnh báo

1. Cổ phiếu bị cảnh báo khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Vốn điều lệ đã góp, hoặc vốn chủ sở hữu tính trên báo cáo tài chính gần nhất của tổ chức niêm yết giảm dưới 30 tỷ đồng.

b) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của tổ chức niêm yết là số âm (có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán (nếu có) liên quan tới chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xem xét căn cứ trên

báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được xem xét trên báo cáo tài chính hợp nhất.

c) Tổ chức kiểm toán có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của tổ chức niêm yết. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì ý kiến ngoại trừ được xác định theo báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp.

d) Tổ chức niêm yết chưa họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

đ) Tổ chức niêm yết đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc bị tạm ngừng, đình chỉ hoạt động theo yêu cầu/quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 03 tháng trở lên.

e) Cổ phiếu không có giao dịch trong thời hạn 06 tháng.

g) Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

h) Tổ chức niêm yết vi phạm quy định công bố thông tin từ 04 lần trở lên trong vòng 01 năm (tính theo năm dương lịch).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán vào diện cảnh báo. SGDCK hiển thị ký hiệu cảnh báo và công bố thông tin về việc cảnh báo đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày SGDCK đưa cổ phiếu vào diện bị cảnh báo theo quy định tại khoản 2 Điều này tổ chức niêm yết phải gửi SGDCK và công bố thông tin kèm theo biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng cổ phiếu bị cảnh báo.

4. SGDCK sẽ xem xét đưa cổ phiếu ra khỏi diện bị cảnh báo sau khi xác định tổ chức niêm yết đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng cổ phiếu bị cảnh báo và các quy định sau:

a) Cổ phiếu đang trong diện bị cảnh báo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện cảnh báo khi tổ chức niêm yết khắc phục được nguyên nhân dẫn đến cổ phiếu bị cảnh báo căn cứ trên báo cáo tài chính quý được soát xét hoặc kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên có soát xét hoặc kiểm toán hoặc báo cáo tài chính năm có kiểm toán và ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét là ý kiến chấp nhận toàn phần.

b) Cổ phiếu đang trong diện bị cảnh báo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện cảnh báo khi lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không âm căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên có soát xét hoặc kiểm toán hoặc báo cáo tài chính năm có kiểm toán kỳ kế tiếp và ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét là ý kiến chấp nhận toàn phần.

c) Cổ phiếu đang trong diện bị cảnh báo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được đưa ra khỏi diện cảnh báo khi ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét tại báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính năm được kiểm toán kế tiếp là ý kiến chấp nhận toàn phần.

d) Cổ phiếu đang trong diện bị cảnh báo theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được đưa ra khỏi diện bị cảnh báo theo đề nghị của tổ chức niêm yết kèm theo tài liệu chứng minh tổ chức niêm yết đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

đ) Cổ phiếu đang trong diện bị cảnh báo theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện cảnh báo khi tổ chức niêm yết hoàn tất khắc phục nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định hiện hành (nếu có) và không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tối thiểu trong 06 tháng liên tục kể từ ngày ra quyết định bị cảnh báo hoặc kể từ ngày SGDCK xác định tổ chức niêm yết có vi phạm công bố thông tin gần nhất.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu ra khỏi diện cảnh báo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức niêm yết đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng cổ phiếu bị cảnh báo quy định tại khoản 4 Điều này và công bố thông tin về việc đưa cổ phiếu ra khỏi diện cảnh báo.

#### **Điều 41. Kiểm soát**

1. Cổ phiếu bị kiểm soát khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Vốn điều lệ đã góp, hoặc vốn chủ sở hữu của tổ chức niêm yết giảm xuống dưới 30 tỷ đồng tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ kế tiếp sau khi chứng khoán bị cảnh báo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Quy chế này.

b) Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán trong 02 năm gần nhất của tổ chức niêm yết là số âm (có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán). Trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lợi nhuận sau thuế căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con thì lợi nhuận sau thuế được xác định theo lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

c) Lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ thực góp tại báo cáo tài chính bán niên soát xét gần nhất (có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán). Đối với tổ chức niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp.

d) Tổ chức kiểm toán có ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong 02 năm liên tiếp của tổ chức niêm yết. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì ý kiến ngoại trừ được xác định theo báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp.

đ) Vốn chủ sở hữu âm tính trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất trừ báo cáo tài chính kiểm toán năm. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp.

e) Tổ chức niêm yết đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc bị tạm ngừng, đình chỉ hoạt động theo yêu cầu, quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 09 tháng trở lên.

g) Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét quá 30 ngày so với thời hạn quy định.

h) Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong 02 năm liên tiếp.

i) Cổ phiếu không có giao dịch trong thời hạn 09 tháng.

k) Tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi SGDCK đưa cổ phiếu vào diện cảnh báo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 40 Quy chế này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu vào diện kiểm soát hoặc chuyển trạng thái chứng khoán từ diện cảnh báo sang diện kiểm soát. SGDCK hiển thị ký hiệu kiểm soát và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày SGDCK đưa cổ phiếu vào diện bị kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này tổ chức niêm yết phải gửi SGDCK và công bố thông tin kèm theo biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng chứng khoán bị kiểm soát.

4. SGDCK sẽ xem xét đưa ra khỏi diện kiểm soát hoặc chuyển sang diện cảnh báo trong trường hợp tổ chức niêm yết khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến cổ phiếu bị kiểm soát, đồng thời không rơi vào diện bị cảnh báo và theo các quy định sau đây:

a) Cổ phiếu niêm yết đang trong diện bị kiểm soát theo quy định tại điểm a và c khoản 1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi tổ chức niêm yết khắc phục được hoàn toàn nguyên nhân căn cứ trên báo cáo tài chính quý được soát xét hoặc kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính năm được kiểm toán và ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét là ý kiến chấp nhận toàn phần.

b) Cổ phiếu niêm yết đang trong diện bị kiểm soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi lợi nhuận sau thuế không âm và không còn lỗ lũy kế hoặc chuyển sang diện bị cảnh báo khi lợi nhuận sau thuế không âm và còn lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc kiểm toán hoặc báo cáo tài chính được kiểm toán năm kế tiếp và ý kiến kiểm toán/kết luận soát xét là ý kiến chấp nhận toàn phần.

c) Cổ phiếu niêm yết đang trong diện bị kiểm soát theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính năm kế tiếp là ý kiến chấp nhận toàn phần.

d) Cổ phiếu niêm yết đang trong diện bị kiểm soát theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi vốn chủ sở hữu không âm căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp.

đ) Cổ phiếu đang trong diện bị kiểm soát theo quy định tại điểm g, h, k khoản 1 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi tổ chức niêm yết hoàn tất khắc phục nguyên nhân, thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định hiện hành (nếu có) và không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tối thiểu trong 06 tháng liên tục kể từ ngày ra quyết định bị kiểm soát hoặc kể từ ngày SGDCK xác định tổ chức niêm yết có vi phạm công bố thông tin gần nhất.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu ra khỏi diện kiểm soát hoặc chuyển sang diện cảnh báo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức niêm yết đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị kiểm soát quy định tại khoản 4 Điều này và công bố thông tin về việc đưa cổ phiếu ra khỏi diện kiểm soát hoặc chuyển sang diện cảnh báo.

#### **Điều 42. Hạn chế giao dịch**

1. Cổ phiếu bị hạn chế giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét quá 45 ngày so với thời hạn quy định.

b) Tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi SGDCK đưa chứng khoán vào diện kiểm soát theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 41 Quy chế này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu vào diện hạn chế giao dịch hoặc chuyển từ trạng thái từ diện kiểm soát sang diện hạn chế giao dịch. SGDCK lên ký hiệu hạn chế giao dịch và công bố thông tin về việc hạn chế giao dịch đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Phương thức giao dịch và thời gian giao dịch của chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch thực hiện theo quy định tại Phụ lục III Quy chế này.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày SGDCK đưa cổ phiếu vào diện hạn chế giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều này tổ chức niêm yết phải gửi SGDCK và công bố thông tin kèm theo biện pháp và lộ trình khắc phục tình trạng cổ phiếu bị hạn chế giao dịch.

5. SGDCK sẽ xem xét đưa cổ phiếu ra khỏi diện hạn chế giao dịch, gỡ bỏ ký hiệu hạn chế giao dịch đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đưa chứng khoán vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát sau khi xem xét giải trình, kết quả khắc phục của tổ chức niêm yết. Tổ chức niêm yết được xác định là đã khắc phục khi hoàn tất khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng cổ phiếu bị hạn chế giao dịch và không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tối thiểu trong 06 tháng liên tục kể từ ngày ra quyết định bị hạn chế giao dịch hoặc kể từ ngày SGDCK xác định tổ chức niêm yết có vi phạm công bố thông tin gần nhất.

6. SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu ra khỏi diện hạn chế giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức niêm yết đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng cổ phiếu bị hạn chế quy định tại khoản 5 Điều này và công bố thông tin về việc đưa cổ phiếu ra khỏi diện hạn chế giao dịch.

#### **Điều 43. Tạm ngừng giao dịch**

1. Cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 Luật Chứng khoán.

b) Tổ chức niêm yết thực hiện tách, gộp cổ phiếu; tách doanh nghiệp hoặc thực hiện giảm vốn điều lệ khác theo quy định của pháp Luật Doanh nghiệp (ngoại trừ trường hợp giảm vốn do mua lại cổ phiếu của chính mình) hoặc thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn tới chấm dứt sự tồn tại của doanh nghiệp theo đề nghị của doanh nghiệp.

c) Tổ chức niêm yết không thực hiện giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng chứng khoán bị đưa vào diện cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch trong thời hạn theo yêu cầu của SGDCK.

d) Theo yêu cầu của UBCKNN.

đ) SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn của thị trường chứng khoán đồng thời báo cáo SGDCKVN, UBCKNN.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu vào diện tạm ngừng giao dịch. SGDCK hiển thị ký hiệu tạm ngừng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức niêm yết có cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này phải giải trình nguyên nhân, đưa ra phương án khắc phục tình trạng bị tạm ngừng giao dịch (nếu có) và công bố thông tin.

4. SGDCK xem xét đưa cổ phiếu ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát hoặc hạn chế giao dịch sau khi xem xét giải trình, kết quả khắc phục của tổ chức niêm yết. Quá thời hạn tạm ngừng giao dịch mà tổ chức niêm yết không giải trình hoặc thực hiện biện pháp khắc phục tình

trạng cổ phiếu bị tạm ngừng giao dịch, SGDCK sẽ xem xét tiếp tục gia hạn tạm ngừng giao dịch hoặc đưa cổ phiếu vào diện đình chỉ giao dịch. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, SGDCK sẽ xem xét đưa cổ phiếu giao dịch trở lại khi doanh nghiệp hoàn tất tách doanh nghiệp hoặc thực hiện giảm vốn điều lệ khác hoặc trên cơ sở đề nghị của tổ chức niêm yết.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát hoặc hạn chế giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức niêm yết đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán tạm ngừng giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.

6. SGDCK công bố thông tin trước khi áp dụng hoặc hủy bỏ biện pháp tạm ngừng giao dịch có hiệu lực.

#### **Điều 44. Đình chỉ giao dịch**

1. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm có kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên có soát xét quá 06 tháng so với thời hạn quy định.

b) Tổ chức niêm yết không đưa ra biện pháp khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch theo yêu cầu của SGDCK.

c) Tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Quy chế này.

d) Theo yêu cầu của UBCKNN.

đ) SGDCK tiếp nhận thông tin về việc tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

e) SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn của thị trường chứng khoán đồng thời báo cáo SGDCKVN, UBCKNN.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu vào diện đình chỉ giao dịch. SGDCK hiển thị ký hiệu đình chỉ đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức niêm yết có cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch phải giải trình nguyên nhân, đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng chứng khoán bị đình chỉ giao dịch và công bố thông tin.

4. SGDCK sẽ xem xét đưa cổ phiếu ra khỏi diện đình chỉ giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát hoặc hạn chế giao dịch sau khi xem xét giải trình, kết quả khắc phục của tổ chức niêm yết. Đối với trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều này, tổ chức niêm yết được xác định là đã khắc phục khi thực hiện công bố thông tin (nếu chưa công bố) và không vi phạm quy định về

công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tối thiểu trong 03 tháng liên tục kể từ ngày ra quyết định bị đình chỉ giao dịch hoặc kể từ ngày SGDCK xác định tổ chức niêm yết có vi phạm công bố thông tin gần nhất.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa cổ phiếu ra khỏi diện đình chỉ giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát hoặc hạn chế giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức niêm yết đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán đình chỉ giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.

6. SGDCK thực hiện công bố thông tin trước khi áp dụng hoặc hủy bỏ biện pháp đình chỉ giao dịch.

## Mục 2

### **ĐỐI VỚI CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LÀ CHỨNG CHỈ QUỸ, CÓ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN**

#### **Điều 45. Cảnh báo**

1. Chứng khoán bị cảnh báo khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vi phạm quy định công bố thông tin từ 04 lần trở lên trong vòng 01 năm (tính theo năm dương lịch).

b) Chứng chỉ quỹ đóng, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán không có giao dịch trong thời hạn 06 tháng.

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống dưới 10 tỷ đồng liên tục trong vòng 01 tháng.

d) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ hoán đổi danh mục liên tục trong 01 tháng gần nhất vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK.

2. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán vào diện cảnh báo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, hiển thị ký hiệu cảnh báo và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày SGDCK đưa chứng khoán vào diện bị cảnh báo theo quy định tại khoản 2 Điều này, Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán có chứng khoán thuộc diện cảnh báo phải giải trình nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng bị cảnh báo và công bố thông tin.

4. SGDCK sẽ xem xét đưa chứng khoán ra khỏi diện bị cảnh báo sau khi xác định công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị cảnh báo theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp chứng khoán bị cảnh báo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sẽ được xem xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo nếu công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tối thiểu 06 tháng liên tục kể từ ngày ra quyết định bị cảnh báo hoặc

kể từ ngày nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị cảnh báo được khắc phục hoàn toàn.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán ra khỏi diện bị cảnh báo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị cảnh báo quy định tại khoản 4 Điều này và công bố thông tin về việc đưa chứng khoán ra khỏi diện bị cảnh báo.

#### **Điều 46. Kiểm soát**

1. Chứng khoán bị kiểm soát khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của quỹ hoán đổi danh mục liên tục trong 02 tháng gần nhất vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK.

b) Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán tiếp tục vi phạm quy định công bố thông tin sau khi đã bị cảnh báo.

c) Giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống dưới 10 tỷ đồng liên tục trong vòng 03 tháng.

2. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán vào diện kiểm soát trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, hiển thị ký hiệu kiểm soát và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chứng khoán (ngoại trừ quỹ hoán đổi danh mục) bị kiểm soát sẽ bị hạn chế giao dịch cho đến khi công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán thực hiện công bố thông tin và/hoặc giải trình đầy đủ theo yêu cầu của SGDCK. Phương thức giao dịch và thời gian giao dịch của chứng khoán bị hạn chế giao dịch thực hiện theo quy định tại Phụ lục III Quy chế này. Căn cứ trên giải trình của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, SGDCK sẽ xem xét cho chứng khoán niêm yết được giao dịch toàn thời gian trở lại.

4. SGDCK sẽ xem xét đưa ra khỏi diện kiểm soát hoặc chuyển sang diện cảnh báo trong trường hợp công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khắc phục được các nguyên nhân dẫn đến chứng khoán bị kiểm soát.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán ra khỏi diện kiểm soát hoặc chuyển sang diện cảnh báo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị kiểm soát quy định tại khoản 4 Điều này và công bố thông tin về việc đưa chứng khoán ra khỏi diện kiểm soát hoặc chuyển sang diện cảnh báo.

#### **Điều 47. Tạm ngừng giao dịch**

1. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 46 Luật Chứng khoán.

b) Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán không thực hiện giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng chứng khoán bị đưa vào diện cảnh báo, kiểm soát theo yêu cầu của SGDCK.

c) Theo yêu cầu của UBCKNN.

d) SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn của thị trường chứng khoán đồng thời báo cáo SGDCKVN, UBCKNN.

2. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán vào diện tạm ngừng giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, hiển thị ký hiệu tạm ngừng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán có chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này phải giải trình nguyên nhân, đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch và công bố thông tin.

4. Căn cứ trên giải trình, kết quả khắc phục của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, SGDCK xem xét đưa chứng khoán ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát cho đến khi nguyên nhân dẫn đến việc bị tạm ngừng giao dịch được khắc phục hoàn toàn. Quá thời hạn tạm ngừng giao dịch mà công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán không giải trình hoặc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch, SGDCK sẽ xem xét tiếp tục gia hạn tạm ngừng giao dịch hoặc đưa chứng khoán vào diện đình chỉ giao dịch.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.

6. SGDCK công bố thông tin trước khi áp dụng hoặc hủy bỏ biện pháp tạm ngừng giao dịch.

#### **Điều 48. Đình chỉ giao dịch**

1. Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán không đưa ra biện pháp khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị đưa vào tạm ngừng giao dịch.

b) Theo yêu cầu của UBCKNN.

c) SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và bảo đảm ổn định, an toàn của thị trường chứng khoán đồng thời báo cáo SGDCKVN, UBCKNN.

2. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán vào diện đình chỉ giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, hiển thị ký hiệu đình chỉ đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán có chứng khoán bị đình chỉ giao dịch phải giải trình nguyên nhân, đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng chứng khoán bị đình chỉ giao dịch và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

4. Căn cứ trên giải trình, kết quả khắc phục của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, SGDCK sẽ xem xét đưa chứng khoán ra khỏi diện đình chỉ giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát cho đến khi nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ giao dịch được khắc phục hoàn toàn.

5. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán ra khỏi diện đình chỉ giao dịch hoặc đưa vào diện cảnh báo hoặc kiểm soát trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị đình chỉ giao dịch quy định tại khoản 4 Điều này.

6. SGDCK thực hiện công bố thông tin trước khi áp dụng hoặc hủy bỏ biện pháp đình chỉ giao dịch.

### Mục 3

## ĐỐI VỚI CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LÀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

### Điều 49. Cảnh báo

1. Chứng quyền bị cảnh báo khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định về hoạt động phòng ngừa rủi ro của SGDCK;

b) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động tạo lập thị trường theo quy định tại Quy chế hoạt động tạo lập thị trường của SGDCK;

2. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng khoán vào diện cảnh báo sau khi phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, hiển thị ký hiệu cảnh báo và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. SGDCK sẽ xem xét đưa chứng quyền ra khỏi diện cảnh báo và dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo trong trường hợp tổ chức phát hành có văn bản thông báo cho SGDCK về việc đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng quyền bị cảnh báo và chứng quyền không còn thuộc các trường hợp bị cảnh báo.

### **Điều 50. Tạm ngừng giao dịch**

1. Chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch trong các trường hợp sau:
  - a) Chứng khoán cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;
  - b) Sự cố bất khả kháng do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố kỹ thuật tại hệ thống giao dịch, hệ thống thanh toán;
  - c) Các trường hợp SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và sau khi đã được UBCKNN chấp thuận;
  - d) Tổ chức phát hành chứng quyền vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị tạm ngừng hoạt động tạo lập thị trường hoặc vi phạm nghĩa vụ trong hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định tại Quy chế hoạt động tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm tại SGDCK và SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận;
  - d) Khi có thông tin chính thức về sự cố kỹ thuật hệ thống thanh toán của VSDC và SGDCK thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.
2. SGDCK ban hành Quyết định đưa chứng quyền vào diện tạm ngừng giao dịch sau khi phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, hiện thị ký hiệu tạm ngừng giao dịch và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Sau khi các sự kiện dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch đã được khắc phục hoặc chấm dứt, SGDCK ban hành Quyết định về việc đưa chứng quyền ra khỏi diện tạm ngừng giao dịch.

## **Chương VII**

### **HỦY BỎ NIÊM YẾT**

#### **Mục 1**

### **HỦY BỎ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ QUỸ**

#### **Điều 51. Hủy bỏ niêm yết bắt buộc**

1. Cổ phiếu của tổ chức niêm yết bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 47 Điều 1 và khoản 5 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, trường hợp tổ chức niêm yết là tổ chức phát hành nước ngoài tại Việt Nam bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại Điều 125 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Kết quả hoạt động kinh doanh, lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu của tổ chức niêm yết được xem xét theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ quyết định không hủy bỏ niêm yết theo quy định tại

điểm e khoản 1 Điều 120 đối với từng trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 7 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm g khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Chứng chỉ quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ hoán đổi danh mục và cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm b khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

3. SGDCK thông báo cho tổ chức niêm yết và công bố thông tin ra thị trường khi phát hiện cổ phiếu niêm yết có khả năng bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại các điểm a, b, d, e, h, i, o khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm a khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và yêu cầu tổ chức niêm yết báo cáo, giải trình cụ thể (nếu cần thiết).

4. SGDCK ban hành Quyết định hủy bỏ niêm yết và công bố thông tin về việc hủy bỏ niêm yết.

5. Chứng khoán niêm yết thuộc diện hủy bỏ niêm yết bắt buộc được tiếp tục giao dịch trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày SGDCK ban hành Quyết định hủy bỏ niêm yết, trừ trường hợp hủy bỏ niêm yết theo quy định tại khoản 4 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm c khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

6. Chứng khoán niêm yết bị hủy bỏ niêm yết nhưng vẫn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng phải đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định tại Điều 133 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP trừ trường hợp hủy bỏ niêm yết theo quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

### **Điều 52. Hủy bỏ niêm yết tự nguyện**

1. Điều kiện hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 121 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm b khoản 48 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Trường hợp cần thiết, SGDCK xin ý kiến SGDCKVN hoặc UBCKNN và chỉ xem xét hủy bỏ niêm yết sau khi có ý kiến từ SGDCKVN hoặc UBCKNN.

3. Thủ tục hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 121 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

4. SGDCK công bố thông tin về việc chấp thuận hoặc từ chối đề nghị hủy bỏ niêm yết tự nguyện của tổ chức niêm yết.

**Điều 53. Đăng ký niêm yết lại**

1. Tổ chức có cổ phiếu bị hủy niêm yết theo quy định tại Điều 120, Điều 121 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được đăng ký niêm yết lại theo quy định tại khoản 1 Điều 122 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Điều kiện, hồ sơ và thủ tục đăng ký niêm yết lại thực hiện theo quy định tại Điều 110, Điều 111 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 37, khoản 39 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và các quy định tại Quy chế này.

**Mục 2****HỦY BỎ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP****Điều 54. Hủy bỏ niêm yết trái phiếu doanh nghiệp**

1. Trái phiếu bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại khoản 5, khoản 5a Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại điểm d, đ, e khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, trái phiếu của tổ chức niêm yết là tổ chức phát hành nước ngoài bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại Điều 125 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Ví dụ: Trái phiếu niêm yết XYZ000000 có thời gian đáo hạn nêu tại Bản cáo bạch niêm yết là ngày 20/7/2025. Ngày 20/6/2025, trái chủ trái phiếu XYZ000000 chấp thuận gia hạn thời gian đáo hạn trái phiếu đến ngày 20/7/2028. Với trường hợp này, SGDCK sẽ hủy niêm yết trái phiếu XYZ000000 vào ngày 20/7/2025 (ngày đáo hạn nêu tại Bản cáo bạch niêm yết).

2. SGDCK thông báo cho tổ chức niêm yết và công bố thông tin ra thị trường khi phát hiện trái phiếu niêm yết có khả năng bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại khoản 5 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP (ngoại trừ trường hợp trái phiếu đến thời gian đáo hạn) và yêu cầu tổ chức niêm yết báo cáo, giải trình (nếu cần thiết).

3. SGDCK ban hành Quyết định hủy bỏ niêm yết trái phiếu và công bố thông tin về việc hủy bỏ niêm yết.

**Mục 3****HỦY BỎ NIÊM YẾT CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM****Điều 55. Hủy bỏ niêm yết bắt buộc**

1. Chứng quyền có bảo đảm bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Sau khi nhận được văn bản hoặc quyết định chính thức về việc chứng quyền có bảo đảm rơi vào trường hợp bị hủy niêm yết theo quy định tại các điểm a, b, d, e khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, SGDCK xem xét ra văn bản hủy niêm yết chứng quyền.

3. Trường hợp chứng quyền có bảo đảm bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước ngày đáo hạn của chứng quyền, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng để hủy niêm yết và thực hiện thanh toán cho người sở hữu chứng quyền theo Mẫu NY-03 Phụ lục II kèm theo Quy chế này. Căn cứ công bố thông tin của tổ chức phát hành, SGDCK ra văn bản hủy niêm yết chứng quyền.

### **Điều 56. Hủy bỏ niêm yết tự nguyện**

1. Điều kiện hủy bỏ niêm yết chứng quyền có bảo đảm tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 48 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 121 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 48 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

3. Thủ tục hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 121 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

## **Chương VIII**

### **NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN KHÁC**

#### **Điều 57. Nghĩa vụ báo cáo của tổ chức niêm yết**

1. Tổ chức niêm yết cổ phiếu thực hiện báo cáo như sau:

a) Tổ chức niêm yết báo cáo Báo cáo SGDCK về Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty và dữ liệu điện tử. Thời hạn gửi: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

b) Tổ chức niêm yết báo cáo SGDCK về Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ công ty và dữ liệu điện tử (gồm 02 bản: 01 bản định dạng PDF có ký tên, đóng dấu và 01 bản định dạng Excel), cụ thể như sau:

- Báo cáo Quý 1 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 28 của tháng 02 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 03.

- Báo cáo Quý 2 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 05 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 06.

- Báo cáo Quý 3 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31 của tháng 08 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 09.

- Báo cáo Quý 4 năm dương lịch: căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30 của tháng 11 và gửi cho SGDCK chậm nhất là ngày 10 của tháng 12.

c) Tổ chức niêm yết gửi cho SGDCK tóm tắt sổ cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng và dữ liệu điện tử (gồm 02 bản: 01 bản định dạng PDF có ký tên, đóng dấu và 01 bản định dạng Excel) danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VSDC trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng.

d) Tổ chức niêm yết báo cáo SGDCK về tình hình quản trị công ty 6 tháng/năm theo mẫu tại Phụ lục V của Thông tư số 96/2020/TT-BTC (bao gồm 02 bản: 01 bản định dạng PDF có ký tên, đóng dấu và 01 bản định dạng Excel danh sách người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ). Thời hạn gửi: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

2. Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán gửi cho SGDCK tóm tắt danh sách nhà đầu tư tại ngày đăng ký cuối cùng và dữ liệu điện tử (gồm 02 bản: 01 bản định dạng PDF có ký tên, đóng dấu và 01 bản định dạng Excel) danh sách nhà đầu tư của quỹ tại ngày đăng ký cuối cùng theo mẫu quy định của VSDC trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng.

3. Tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm gửi báo cáo định kỳ hàng tháng dưới hình thức văn bản điện tử trên hệ thống cơ sở dữ liệu/hệ thống công bố thông tin của SGDCK trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng theo Phụ lục số VIII ban hành kèm theo Thông tư số 122/2025/TT-BTC.

4. Tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các thông tin, dữ liệu cung cấp này.

#### **Điều 58. Các nghĩa vụ khác của tổ chức niêm yết**

1. Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy chế của SGDCK.

2. Duy trì điều kiện niêm yết chứng khoán.

3. Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với SGDCK.

#### **Điều 59. Nghĩa vụ của các đối tượng có liên quan khác**

1. Thực hiện các nghĩa vụ về cam kết, báo cáo và công bố thông tin theo quy định của SGDCK và các quy định có liên quan khác về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Giải trình theo yêu cầu của SGDCK trong các trường hợp cần thiết.

### **Chương IX**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 60. Điều khoản thi hành**

1. SGDCK có trách nhiệm:

a) Đảm bảo hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết được tiến hành công khai, công bằng, trật tự, an toàn và hiệu quả.

b) Ban hành các văn bản và quy trình nghiệp vụ phù hợp với Quy chế này.

c) Giám sát, xử lý vi phạm đối với việc tuân thủ Quy chế này của các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Quy chế này và các đối tượng liên quan khác trong phạm vi thị trường mà SGDCK tổ chức.

d) Báo cáo SGDCKVN đối với nội dung tại điểm b khoản 1 Điều này theo quy định tại Quy chế nội bộ về hoạt động giám sát của SGDCKVN và công ty con.

đ) Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của pháp luật chứng khoán. Mọi nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo khi gửi UBCKNN đồng thời phải gửi SGDCKVN, kể cả báo cáo theo yêu cầu.

e) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực, SGDCK hoàn thành việc điều chỉnh tình trạng, lý do chứng khoán đang trong diện bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng giao dịch, đồng thời rà soát lại và đưa các chứng khoán vào diện bị cảnh báo, kiểm soát, tạm ngừng giao dịch, đình chỉ giao dịch theo quy định tại Quy chế này.

2. SGDCKVN giám sát việc tuân thủ Quy chế này đối với các đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy chế này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chế, quy định được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chế, quy định mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chế, quy định mới. Các trường hợp chưa có quy định pháp luật thì báo cáo SGDCKVN xem xét.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về SGDCKVN để được hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung.

5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thực hiện theo quy định của SGDCKVN, do Hội đồng thành viên SGDCKVN quyết định sau khi được UBCKNN chấp thuận. /.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH



Lương Hải Sinh

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT,**  
**THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ HỦY NIÊM YẾT**  
**CHỨNG KHOÁN**  
**TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**  
**VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 3 năm 2026*  
*của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)*

STT	Tên tài liệu	Mẫu biểu	Ghi chú
<b>A</b>	<b>HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT</b>		
<b>I</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu mới</b>		
<b>1</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty chào bán cổ phiếu ra công chúng, doanh nghiệp cổ phần hóa</b>		
1.1	Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	
1.2	Bản cáo bạch niêm yết	Mẫu số 29 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	

	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
	Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết		
	Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (nếu có)		
	Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng... (nếu có)		
	Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết		
	Phụ lục VI: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết		
	- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	
	- Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ

			phiếu để chuyển đổi trái phiếu)
	- Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	- Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính quý
	- Báo cáo về những tranh chấp pháp luật		
1.3	Hoặc Quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa (trong trường hợp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp cổ phần hóa)		Trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa
1.4	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu		
1.5	Sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết		
	<i>Bao gồm: tóm tắt số cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết</i>		
1.6	Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Số		

	lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có)		
1.7	Văn bản cam kết của cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên SGDCK và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo		
1.8	Hợp đồng tư vấn niêm yết, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán		
2	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty đã giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom tối thiểu 2 năm</b>		
2.1	Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 28 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	

2.2	Bản cáo bạch niêm yết và các phụ lục kèm theo Bản cáo bạch	Mẫu số 29 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	
	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
	Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết		
	Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (nếu có)		
	Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng... (nếu có)		
	Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết		
	Phụ lục VI: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết		
	- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	
	- Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tăng thêm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 35 Điều 1	Trường hợp sau kỳ kế toán gần nhất được kiểm toán, tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ (trừ

		Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động, phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu)
	- Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	- Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý
	- Báo cáo về những tranh chấp pháp luật		
2.3	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu		
2.4	Sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết		
	<i>Bao gồm: tóm tắt sổ cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết</i>		
2.5	Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Số		

	lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có)		
2.6	Cam kết của cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên SGDCK và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo		
2.7	Hợp đồng tư vấn niêm yết, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán		
3	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của các công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và các trường hợp cơ cấu lại khác</b>		
3.1	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của các công ty đại chúng hình thành sau hợp nhất</b>		
a	<i>Trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i>		
	- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 mục I phần A Phụ lục này (ngoại trừ các tài liệu có số thứ tự 1.7, 1.8). Trong đó, báo cáo tài chính trong 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ		

	chức kiểm toán được chấp thuận của các doanh nghiệp bị hợp nhất		
b	- Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		
	- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 mục I phần A Phụ lục này (ngoại trừ các tài liệu có số thứ tự 1.7, 1.8). Trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức đăng ký niêm yết cho năm liền trước năm thực hiện hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
c	- Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		
	- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2 mục I phần A Phụ lục này. Trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất và báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước của tổ chức đăng ký niêm yết cho 02 năm liền trước năm hợp nhất doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
d	- Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		

	<p>- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2 mục I phần A Phụ lục này. Trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng:</p>		
	<p>- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm hợp nhất: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của các doanh nghiệp bị hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>	
	<p>- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm liền sau năm hợp nhất: Báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất; Báo cáo tài chính kỳ kế toán năm cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất và Báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời kết thúc năm tài chính của công ty hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p>		
	<p>- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm thứ hai sau năm hợp nhất:</p> <p>- + Báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất, Báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất, Báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của công ty hợp nhất, Báo cáo tài chính năm của năm liền</p>		

	trước năm đăng ký niêm yết của công ty hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;		
	+ Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	+ Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý
đ	- Trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		
	- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2 mục I phần A Phụ lục này. Trong đó báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng:		
	- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm hợp nhất: Báo cáo tài chính năm của 02 năm gần nhất được kiểm toán của doanh nghiệp tham gia hợp nhất, Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức đăng ký niêm yết được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm liền sau năm hợp nhất: Báo cáo tài chính năm của		

<p>năm liền trước năm hợp nhất của các doanh nghiệp bị hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của các doanh nghiệp tham gia hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm hợp nhất của tổ chức đăng ký niêm yết được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời kết thúc năm tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;</p>		
<p>- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm thứ hai sau năm hợp nhất: Báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính tính đến thời điểm hợp nhất của các công ty bị hợp nhất; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho kỳ kế toán cuối cùng từ ngày bắt đầu năm tài chính đến thời điểm hợp nhất của công ty hợp nhất và báo cáo tài chính kỳ kế toán đầu tiên từ thời điểm hợp nhất đến thời điểm kết thúc năm tài chính của công ty hợp nhất; báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm đăng</p>		

	ký niêm yết của công ty hợp nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	+ Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	+ Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý
e	- Trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		
	- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 mục I phần A Phụ lục này		
<b>3.2</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty nhận sáp nhập</b>		
a	Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		
	Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2 mục I phần A Phụ lục này. Trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng:		
	- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm sáp nhập: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		

	- Trường hợp công ty đăng ký niên yết trong năm liền sau năm sáp nhập: Báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký niên yết của tổ chức đăng ký niên yết, báo cáo tài chính năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập và công ty bị sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	- Trường hợp công ty đăng ký kiêm yết trong năm thứ hai sau năm sáp nhập: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm đăng ký niên yết được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của tổ chức đăng ký niên yết.		
b	Trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		
	Hồ sơ đăng ký niên yết theo quy định tại khoản 2 mục I phần A Phụ lục này, trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niên yết của tổ chức đăng ký niên yết được thay bằng:		
	- Trường hợp công ty đăng ký niên yết trong năm sáp nhập: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tổng hợp thông tin tài chính quy ước cho 02 năm liền trước năm sáp nhập doanh nghiệp được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	- Trường hợp công ty đăng ký niên yết trong năm liền sau năm sáp nhập: Báo cáo tài chính năm liền		

	trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết, báo cáo tài chính năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập và công ty bị sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính quy ước cho năm liền trước năm sáp nhập của tổ chức đăng ký niêm yết được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm thứ hai sau năm sáp nhập: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của tổ chức đăng ký niêm yết.		
	+ Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	+ Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý
c	<i>Trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i>		
	Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2 mục I phần A Phụ lục này		
3.3	<i>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu sau chia, tách doanh nghiệp</i>		

a	<p><i>Trường hợp doanh nghiệp được chia và được tách</i></p> <p>Hồ sơ đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 1 mục I phần A Phụ lục này.</p>		
b	<p><i>Trường hợp tách doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i></p>		
	<p>Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2 mục I phần A Phụ lục này. Trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng:</p>		
	<p>- <i>Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm tách doanh nghiệp:</i></p> <p>Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận</p>		
	<p>- <i>Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm liền sau năm tách doanh nghiệp:</i></p> <p>Báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm đăng ký niêm yết được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của tổ chức đăng ký niêm yết, báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p>		
	<p>- <i>Trường hợp công ty đăng ký niêm yết từ năm thứ hai sau năm tách doanh nghiệp:</i></p> <p>Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của tổ chức đăng ký niêm yết.</p>		

	+ Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	+ Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý
c	<i>Trường hợp tách doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i> Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại mục 2 phần I Phụ lục này. Trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng		
	- <i>Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm tách doanh nghiệp:</i> Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm niêm yết của doanh nghiệp bị tách được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tổng hợp thông tin tài chính quy ước của tổ chức đăng ký niêm yết cho 02 năm liền trước năm thực hiện tách doanh nghiệp được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
	- <i>Trường hợp công ty đăng ký niêm yết trong năm liền sau năm tách doanh nghiệp:</i> Báo cáo tài chính năm của năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký		

	niêm yết, báo cáo tài chính năm của công ty bị tách trong năm liền trước năm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận; báo cáo tổng hợp thông tin tài chính quy ước cho năm liền trước năm tách doanh nghiệp được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	- Trường hợp công ty đăng ký niêm yết từ năm thứ hai sau năm tách doanh nghiệp: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của tổ chức đăng ký niêm yết.		
	+ Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	+ Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý
d	<i>Trường hợp tách doanh nghiệp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i> Hồ sơ đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 1 mục I phần A Phụ lục này.		
3.4	<i>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu lại khác</i>		

a	Trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP		
	Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 2 Mục I Phần A Phụ lục này. Trong đó, báo cáo tài chính năm của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức đăng ký niêm yết được thay bằng		
	- Trường hợp đăng ký niêm yết trong năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính của 02 năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm đăng ký niêm yết của tổ chức thực hiện cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	- Trường hợp đăng ký niêm yết trong năm liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm cơ cấu lại được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận và Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm cơ cấu lại của tổ chức thực hiện cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	- Trường hợp đăng ký niêm yết trong năm thứ hai liền sau năm cơ cấu lại: Báo cáo tài chính năm của 02 năm liền trước năm niêm yết của tổ chức thực hiện cơ cấu lại được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.		
	+ Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107	Trường hợp đăng ký niêm yết sau ngày kết thúc

		Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	ký lập báo cáo tài chính bán niên
	+ Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính quý
b	<i>Trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 112 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i> Hồ sơ đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản I mục I phần A Phụ lục này.		
4	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của công ty cổ phần</b>		
<i>Hồ sơ nộp lần đầu (nộp đồng thời với hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng)</i>			
4.1	Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 28 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	
4.2	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu		
4.3	Hợp đồng tư vấn niêm yết, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán		

4.4	Bản cáo bạch niên yết	Mẫu số 29A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	
	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, (tại thời điểm gần nhất).		
	Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết		
	Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (nếu có)		
	Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng... (nếu có)		
	Phụ lục V: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết		
	- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận của 2 năm liền trước năm đăng ký niêm yết	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định 155/2020/NĐ-CP	
	- Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP	Trường hợp hồ sơ được nộp sau ngày kết thúc kỳ lập báo cáo tài chính bán niên
	- Báo cáo tài chính đến kỳ kế toán gần nhất tương tự quy định về công		Đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết đang

	<p>bố thông tin báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết</p>	<p>trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết quá thời hạn công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính quý</p>
	<p>- Báo cáo về vốn điều lệ đã góp tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng</p>	<p>Theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP. Theo mẫu phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/TT-BTC</p> <p>- Theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 18 Luật Chứng khoán.          - Thời kỳ lập báo cáo về vốn điều lệ đã góp tối thiểu là 10 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng.          Trường hợp tổ chức đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tổ chức đăng ký công ty đại chúng có thời gian hoạt động dưới 10 năm thì thời kỳ lập báo cáo về vốn điều lệ đã góp được tính từ thời điểm thành lập.          - Đối với trường hợp công ty cổ phần được cổ phần hoá từ</p>

			doanh nghiệp nhà nước có thời gian hoạt động ít hơn 10 năm thì thời kỳ lập báo cáo về vốn điều lệ đã góp được tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu.
	Phụ lục VI. Các phụ lục khác (nếu có)	Theo quy định tại Mục XV của Mẫu số 29A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
<b>Hồ sơ nộp sau khi UBCKNN có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng</b>			
4.5	Giấy đề nghị tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết	Mẫu số 28B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	Giấy đề nghị tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết
4.6	Bản thông tin cập nhật Báo cáo bạch	Mẫu số 29B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
4.7	Sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ tiếp tục xem xét việc đăng ký niêm yết		
	<i>Bao gồm: tóm tắt số cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết</i>		
4.8	Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (Số		

	lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có)		
4.9	Văn bản cam kết của cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên SGDCK và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo		
4.10	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương, <i>(trong đó cập nhật vốn điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết sau khi chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng)</i>		
<b>II Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu</b>			
1	Giấy đăng ký niêm yết trái phiếu	Mẫu số 28 hoặc Mẫu số 28A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	

		và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	
	<i>Các phụ lục của Giấy đăng ký niêm yết, bao gồm:</i>		
	Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu	Mẫu số 29C hoặc Mẫu số 29D hoặc Mẫu số 29Đ Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
	Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết		
	Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (nếu có)		
	Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng... (nếu có)		
	Phụ lục V: Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết theo quy định		
2	Sổ đăng ký chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết		
<b>III</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán</b>		
1	Giấy đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán	Mẫu số 28 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2	

		Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP."	
2	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán	UBCKNN cấp	
3	Bản cáo bạch chào bán ra công chúng đã được UBCKNN chấp thuận và các phụ lục đính kèm		
4	Sổ đăng ký nhà đầu tư/sổ đăng ký cổ đông nắm giữ cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán	VSD quy định	
	<i>Bao gồm: Tóm tắt danh sách nhà đầu tư của Quỹ đầu tư/Công ty đầu tư chứng khoán</i>		
5	Báo cáo danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán tại thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát.		
6	Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin;	Phụ lục I Thông tư số 96/2020/TT-BTC	
<b>IV</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết của tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm</b>		
1	Giấy đăng ký niêm yết chứng quyền	Mẫu số 28C Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
2	Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền (nếu có)	Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
<b>IV</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết của tổ chức phát hành nước ngoài</b>		
1	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của tổ chức phát hành nước ngoài</b>		
	Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại khoản 1 mục I phần A Phụ lục này (ngoại trừ tài liệu tại điểm 1.1)		
2	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu của tổ chức phát hành nước ngoài</b>		
	Hồ sơ đăng ký niêm yết bao gồm các tài liệu tại mục II (ngoại trừ tài		

liệu tại khoản 1) phần A Phụ lục này		
--------------------------------------	--	--

**B. HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ TIẾP TỤC NIÊM YẾT, THAY ĐỔI NIÊM YẾT VÀ HỦY BỎ NIÊM YẾT TỰ NGUYỆN**

**I. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu của công ty nhận sáp nhập**

**1. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết đối với trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 112 ND 155/2020/ND-CP**

1.1	Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 30 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/ND-CP	
1.2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
1.3	Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
1.4	Sổ theo dõi cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán. <i>Bao gồm: Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán</i>		

**2. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 112 ND 155/2020/ND-CP**

2.1	Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 30 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/ND-CP	
2.2	Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm thực hiện sáp nhập của công ty nhận sáp nhập được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
2.3	Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm sáp nhập của các công		

	ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
2.4	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
2.5	Sổ theo dõi cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán. <i>Bao gồm: Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán</i>		
<b>3. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 112 ND 155/2020/ND-CP</b>			
3.1	Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu		
3.2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
3.3	Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; <i>Bao gồm: Tóm tắt nội dung sổ cổ đông sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán</i>		
3.4	Danh sách cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (số lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có))		
3.5	Cam kết của cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng,		

	Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo		
3.6	Hợp đồng tư vấn niêm yết, trừ trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty chứng khoán		
3.7	Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
3.8	Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính quy ước cho 02 năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
<b>II. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu sau chia, tách doanh nghiệp</b>			
<b>1. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 112 ND 155/2020/NĐ-CP</b>			
1.1	Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 30 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP	
1.2	Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;		
1.3	Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		

1.4	Sổ đăng ký cổ đông của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; <i>Bao gồm: tóm tắt sổ cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết</i>		
1.5	Danh sách cổ đông lớn, người nội bộ, cổ đông chiến lược và người có liên quan của người nội bộ (số lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có))		
1.6	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
<b>2. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 112 NB 155/2020/NĐ-CP</b>			
2.1	Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 30 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP	
2.2	Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;		
2.3	Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm tách doanh nghiệp của công ty bị tách được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
2.4	Sổ đăng ký cổ đông của công ty bị tách sau thời điểm tách doanh nghiệp được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; <i>Bao gồm: tóm tắt sổ cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết</i>		
2.5	Danh sách cổ đông lớn, người nội bộ, cổ đông chiến lược và người có liên quan của người nội bộ (số		

	lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có))		
2.6	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
2.7	Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho năm liền trước năm thực hiện tách doanh nghiệp được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
<b>III. Hồ sơ đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu của doanh nghiệp sau quá trình cơ cấu lại khác (với trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 112 ND 155/2020/NĐ-CP)</b>			
1.1	Giấy đề nghị tiếp tục niêm yết cổ phiếu	Mẫu số 30 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
1.2	Báo cáo tài chính trong 02 năm liền trước năm cơ cấu lại được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
1.3	Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính theo quy ước cho 02 năm liền trước năm cơ cấu lại doanh nghiệp của tổ chức thực hiện cơ cấu lại được đảm bảo bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận		
1.4	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương		
<b>C</b>	<b>HỒ SƠ THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT</b>		
<b>I.</b>	<b>Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết (với trường hợp quy định tại Điều 117 ND 155/2020/NĐ-CP)</b>		
<b>1</b>	<b>Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu</b>		
1.1	Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ	

		sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	
1.2	Giấy phép điều chỉnh giấy phép hoạt động của tổ chức tín dụng sau đợt phát hành trong trường hợp tổ chức tín dụng thực hiện phát hành có thu tiền		
1.3	Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của chủ sở hữu đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, ngoại trừ các trường hợp tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. <i>(Trường hợp sau khi giảm vốn điều lệ làm thay đổi tài sản của doanh nghiệp, do bán tài sản mà các hoạt động, giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên phải nộp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận)</i>		
1.4	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu Hoặc công văn chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền về việc thực hiện giảm vốn điều lệ (trường hợp giảm vốn điều lệ)		
1.5	Báo cáo kết quả phát hành hoặc Báo cáo kết quả giảm vốn điều lệ (trường hợp giảm vốn điều lệ)	Mẫu số 16, 17 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	

		Phụ lục số 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30 Thông tư số 118/2020/TT-BTC	
2	<b>Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đóng/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán</b>		
2.1	Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đóng/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán		
2.2	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán hoặc các văn bản khác do UBCKNN cấp trong trường hợp phát hành thêm chứng chỉ quỹ hoặc cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán		
2.3	Báo cáo kết quả chào bán chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư hiện hữu	Mẫu số 102 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	
2.4	Báo cáo kết quả phát hành chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán ra công chúng để phân phối lợi nhuận		
2.5	File danh sách nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/cổ phiếu sau phát hành ( <i>ngoại trừ quỹ ETF</i> )		
	<i>Bao gồm: tóm tắt nội dung danh sách nhà đầu tư sau khi hoàn tất việc thay đổi số lượng chứng khoán (ngoại trừ quỹ ETF)</i>		
2.6	Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận ( <i>trừ trường hợp phát hành chứng chỉ quỹ để trả lợi tức cho nhà đầu tư</i> )		
2.7	Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư chứng khoán, Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán;		

<b>II. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết chứng quyền có bảo đảm</b>			
1	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết	Mẫu số 31A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
2	Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua việc thay đổi niêm yết <i>(đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 119a Nghị định số 245/2025/NĐ-CP)</i>		
3	Công bố thông tin điều chỉnh chứng quyền (nếu có)	Mẫu số 31B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	
<b>II. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết trái phiếu</b>			
1	Giấy đăng ký thay đổi niêm yết	Mẫu số 31 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP	Trong đó nêu rõ lý do dẫn đến việc thay đổi niêm yết và các tài liệu có liên quan
2	Báo cáo đã hoàn tất mua lại một phần trái phiếu hoặc hoàn tất chuyển đổi một phần trái phiếu thành cổ phiếu hoặc hoàn tất hoán đổi một phần trái phiếu và kèm theo tài liệu chứng minh đã hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi hoặc hoán đổi một phần trái phiếu.		
<b>D</b>	<b>HỒ SƠ HỦY BỎ NIÊM YẾT</b>		
<b>I. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ niêm yết cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tự nguyện</b>			
1	Giấy đề nghị hủy bỏ niêm yết tự nguyện	Mẫu số 32 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi quy định tại khoản 4 Điều 2	

		Nghị định số 245/2025/NĐ-CP và phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.	
2	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết cổ phiếu) hoặc của Đại hội nhà đầu tư (đối với trường hợp hủy bỏ niêm yết chứng chỉ quỹ) thông qua việc hủy bỏ niêm yết tự nguyện, trong đó phải được trên 50% số phiếu biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông lớn thông qua.		
3	Phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông sau khi hủy niêm yết tự nguyện đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua		

## PHỤ LỤC II CÁC MẪU BIỂU

(Kèm theo Quy chế Niêm yết và Giao dịch chứng khoán niêm yết  
ban hành theo Quyết định số 22 /QĐ-HDTV ngày 16 tháng 3 năm 2026 của  
Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

STT	Mẫu	Nội dung
1	NY-01A	Giấy đăng ký ngày giao dịch lần đầu
2	NY-01B	Giấy đăng ký ngày giao dịch bổ sung
3	NY-01C	Giấy đăng ký ngày giao dịch trở lại đối với chứng khoán thay đổi niêm yết thuộc trường hợp tạm ngừng giao dịch
4	NY-02	Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty
5	NY-03	Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền tại ngày đáo hạn

Mẫu NY-01A

TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..., ngày ...tháng ...năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ NGÀY GIAO DỊCH LẦN ĐẦU**

Cổ phiếu/chứng chỉ quỹ:.... (tên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....**

Tổ chức niêm yết: (Tên tổ chức niêm yết/ tên Quỹ)

Thời hạn hoạt động của quỹ: (đối với chứng chỉ quỹ)

Công ty quản lý quỹ: (đối với chứng chỉ quỹ / cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán)

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

Ngân hàng giám sát: (đối với chứng chỉ quỹ / cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán)

Đã được chấp thuận niêm yết lần đầu theo Quyết định số ..... ngày ..... của Sở Giao dịch chứng khoán ..... và cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo văn bản số ..... ngày ..... Nay công ty chúng tôi muốn đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán ..... với các chi tiết sau:

- Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông/chứng chỉ quỹ
- Loại hình quỹ: ((đối với chứng chỉ quỹ))
- Mã chứng khoán :
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu/chứng chỉ quỹ
- Số lượng chứng khoán niêm yết : ...cổ phiếu/chứng chỉ quỹ (bằng chữ)
- Tổng giá trị chứng khoán niêm yết : ..... đồng (bằng chữ)
- Ngày niêm yết có hiệu lực :
- Ngày chính thức giao dịch :
- Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: ..... đồng/cổ phiếu/chứng chỉ quỹ

Kính đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán ..... hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán vào giao dịch. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

(Đại diện theo pháp luật)

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu công ty)

Mẫu NY-01B

TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ....., ngày ...tháng ...năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ NGÀY GIAO DỊCH BỔ SUNG**

Cổ phiếu/chứng chỉ quỹ:..... (tên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....**

Tổ chức niêm yết: (Tên tổ chức niêm yết/ tên Quỹ)

Thời hạn hoạt động của quỹ: (đối với chứng chỉ quỹ)

Công ty quản lý quỹ: (đối với chứng chỉ quỹ / cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán)

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Website:

Ngân hàng giám sát: (đối với chứng chỉ quỹ / cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán)

Đã được chấp thuận niêm yết bổ sung theo Quyết định số ..... ngày ..... của Sở Giao dịch chứng khoán ..... và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại văn bản số ..... ngày .....

Nội dung hạn chế chuyển nhượng (trường hợp chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng): từ ngày ..... đến ngày .....

Nay công ty chúng tôi đăng ký giao dịch bổ sung chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán ..... với các chi tiết sau:

- Loại chứng khoán .....: cổ phiếu phổ thông/chứng chỉ quỹ
- Loại hình quỹ: ((đối với chứng chỉ quỹ)
- Mã chứng khoán :
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Số lượng chứng khoán niêm yết : ..... cổ phiếu/chứng chỉ quỹ (bằng chữ)
- Giá trị chứng khoán niêm yết : ..... đồng (bằng chữ)
- Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực :
- Ngày giao dịch bổ sung :

(Trường hợp chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, ngày giao dịch bổ sung chính là ngày sau khi kết thúc thời gian bị hạn chế chuyển nhượng)



Kính đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán ..... hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán vào giao dịch. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**TỜ CHỨC NIÊM YẾT**

*(Đại diện theo pháp luật)*

*(Ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu công ty)*



Mẫu NY-01C

TÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

..., ngày ...tháng ...năm .....

**GIẤY ĐĂNG KÝ NGÀY GIAO DỊCH TRỞ LẠI ĐỐI VỚI CHỨNG  
KHOẢN THAY ĐỔI NIÊM YẾT THUỘC TRƯỜNG HỢP TẠM NGỪNG  
GIAO DỊCH**

Cổ phiếu:..... (tên cổ phiếu)

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....**

Tổ chức niêm yết:  
Địa chỉ trụ sở chính:  
Điện thoại: Fax:  
Website:

Đã được chấp thuận thay đổi niêm yết theo Quyết định số ..... ngày ..... của Sở Giao dịch chứng khoán ..... và được Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam chứng nhận điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại văn bản số ..... ngày .....

Nay công ty chúng tôi muốn đăng ký ngày niêm yết và giao dịch trở lại cổ phiếu sau khi thay đổi niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán ..... với các chi tiết sau:

- Loại chứng khoán :
  - Mã chứng khoán :
  - Mệnh giá : 10.000 đồng
  - Số lượng chứng khoán trước thay đổi niêm yết : (bằng số và chữ)
  - Số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết : ..... (bằng số và chữ)
  - Tổng giá trị chứng khoán thay đổi niêm yết : ..... đồng
- (bằng chữ)
- Lý do thay đổi niêm yết :
  - Số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết: ..... (bằng số và chữ)
  - Tổng giá trị chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết: ..... đồng (bằng chữ)
- chữ)
- Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực :
  - Ngày giao dịch trở lại :

Kính đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán ..... hoàn tất các thủ tục để đưa chứng khoán vào giao dịch. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

(Đại diện theo pháp luật)

(Ký tên, ghi rõ chức vụ, đóng dấu công ty)



Mẫu NY-02

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm... ..

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*Kỳ báo cáo: 6 tháng/năm*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán .....

STT		Câu hỏi	Phản trả lời
1	Thông tin chung	Mã chứng khoán	
2		Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (%)	
3		Mô hình công ty (1 hoặc 2) ▪ 1: Theo Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 ▪ 2: Theo Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020	
4		Số lượng người đại diện theo pháp luật của công ty?	
5		Điều lệ đã sửa đổi theo Luật Doanh nghiệp 2020 (Có/Không)?	
6		Công ty có Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định 155/2020/NĐ-CP	
7		Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ (Có/Không)?	
8	Đại hội đồng Cổ Đông	Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/ Bất thường	
9		Ngày đăng tải tài liệu Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo	
10		Ngày công bố Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông	
11		Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành công ở lần thứ mấy (1/2/3)	

12		Công ty có bị khiếu kiện về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không? (Có/Không)	
13		Số lần bị Sở giao dịch chứng khoán nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông	
14		Số lần bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý liên quan đến việc tổ chức và công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông	
15		Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (Có/Không)?	
16		Công ty đưa nội dung thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD (GD) và người quản lý khác thành mục riêng trong BCTC hàng năm của công ty và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên (Có/Không)?	
17		Từng Thành viên HĐQT độc lập của Công ty lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên (Có/Không)?	
18		Chủ tịch HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gắn nhất nội dung đã được thông qua tại NQ ĐHĐCĐ trước đó nhưng chưa thực hiện; không báo cáo ĐHĐCĐ gắn nhất thông qua trước khi thực hiện thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ	
19	<b>Hội đồng quản trị</b>	Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị	
20		Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	
21		Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành	
22		Công ty có thành viên HĐQT là người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp (Có/Không)?	
23		Công ty có thành viên HĐQT là người có quan hệ gia đình của GD, TGD, và người quản lý khác của Công ty; người có quan hệ gia đình của người quản lý người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ (Có/Không)?	

24			
25		Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc (Có/Không)	
26		Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị	
27		Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị (Có/Không)	
28		Tên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị/	
29		Công ty có Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự (Có/Không)	
30		Công ty có bổ nhiệm người phụ trách Quản trị công ty	
31		Công ty xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế hoạt động của HĐQT (Có/Không)?	
32		Thành viên HĐQT của Công ty đồng thời là thành viên HĐQT/ HĐTV tại quá 05 công ty khác (Có/Không)?	
33	<b>Ban kiểm soát</b>	Trưởng ban kiểm soát/ UBKT có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty (Có/Không)?	
34		Trưởng BKS có làm việc chuyên trách tại công ty không?	
		Số lượng TV Ban Kiểm soát	
35		Số lượng kiểm soát viên là người liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc/Tổng Giám đốc và người quản lý khác ( <i>liệt kê tên của kiểm soát viên là người liên quan, nếu có</i> )	
36		Công ty có KSV là người thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp (Có/Không)?	
37		Số lượng kiểm soát viên nắm giữ chức vụ quản lý	

		(liệt kê danh sách và chức vụ, nếu có)	
38		Số lượng kiểm soát viên là người trong bộ phận kế toán tài chính hay nhân viên công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán cho công ty trong vòng 3 năm trước khi được bầu vào BKS (Có/Không)	
39		Số lượng cuộc họp Ban kiểm soát	
40		Công ty có Ủy ban kiểm toán không (Có/Không)	
41		Ủy ban kiểm toán trực thuộc bộ phận HĐQT?	
42		Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán	
		Số lượng cuộc họp của Ủy ban kiểm toán	
43		Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của Công ty là thành viên HĐQT độc lập (Có/Không)?	
44		Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là thành viên HĐQT không điều hành (Có/Không)?	
45		Công ty xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát/ UBKT (Có/Không)?	
46	<b>Kiểm toán nội bộ</b>	Công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ (Có/Không)?	
47		Công ty tự tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ hay thuê bên ngoài?	
48		Công ty đã ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ chưa?	
49	<b>Giao dịch với bên liên quan</b>	Giao dịch với bên liên quan có được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua theo thẩm quyền không (nếu có Giao dịch với bên liên quan)	
50		Công ty có công bố thông tin Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT khi giao dịch với bên liên quan, phản ánh các giao dịch này tại BCTC và Báo cáo tình hình quản trị công ty không?	
51		Công ty có ký kết hợp đồng bằng văn bản khi tiến hành giao dịch với các bên có liên quan	

		không?	
52	Vấn đề khác	Website công ty cung cấp đầy đủ thông tin cho cổ đông theo quy định? (Có/Không)	
53		Công ty trả cổ tức trong vòng 6 tháng từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Có/Không)	
55		Trong trường hợp Báo cáo kiểm toán BCTC năm của công ty có khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC năm của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên (Có/Không)	
56		Công ty có bị Sở giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước nhắc nhở, lưu ý về giao dịch với các bên liên quan không? (Có/Không)	
57		Giám đốc, Tổng giám đốc là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán. (Có/Không)	

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu NY-03

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

*Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền tại ngày đáo hạn*

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán

Tên Tổ chức phát hành:

Tên giao dịch:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

**Chúng tôi thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền tại ngày đáo hạn như sau:**

Tên chứng quyền:

Mã chứng quyền:

Tên (mã) chứng khoán cơ sở: .....

Tỷ lệ chuyển đổi: .....

Giá thực hiện: ..... (đồng)

Khối lượng chứng quyền đang niêm yết:

Sàn giao dịch: (SGDCK nơi niêm yết CW)

Thời hạn: ..... (tháng)

Ngày đáo hạn:

Ngày đăng ký cuối cùng: (ghi rõ ngày đăng ký cuối cùng)

Ngày giao dịch cuối cùng: (ghi rõ ngày giao dịch cuối cùng)

**1. Lý do và mục đích**

Thực hiện chứng quyền do đáo hạn

**2. Nội dung cụ thể**

- Giá thanh toán chứng quyền: Do tổ chức phát hành tính toán và công bố theo quy định.

- Ngày thanh toán:

- Địa điểm thực hiện:

+ Người sở hữu chứng quyền lưu ký làm thủ tục thanh toán tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Người sở hữu chứng quyền chưa lưu ký: ...

Công ty ... (tên Tổ chức phát hành) thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền tại ngày đáo hạn để Sở Giao dịch Chứng khoán ... (SGDCK nơi niêm yết CW) được biết và thực hiện hủy niêm yết toàn bộ chứng quyền nêu trên.

Chúng tôi cam kết thực hiện mọi nghĩa vụ của Tổ chức phát hành cũng như các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

..... ngày..... tháng..... năm .....

Tài liệu gửi kèm: (nếu có)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**PHỤ LỤC III: VỀ TỜ CHỨC HOẠT ĐỘNG  
GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

*(Kèm theo Quyết định số 22./QĐ-HDTV ngày 16 tháng 3 năm 2026  
của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)*

**I. Thời gian giao dịch chứng khoán niêm yết và nội dung giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.**

a) Thời gian giao dịch chứng khoán niêm yết từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian giao dịch cụ thể như sau:

- Đối với giao dịch Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm:

<b>Phiên</b>	<b>Phương thức giao dịch</b>	<b>Giờ giao dịch</b>	<b>Loại lệnh giao dịch</b>
Phiên trong giờ (sáng)	Khớp lệnh định kỳ mở cửa	09h00 - 09h15	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa (ATO)
	Khớp lệnh liên tục I	09h15 - 11h30	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh thị trường (MTL)
	Giao dịch thỏa thuận	09h00 - 11h30	
<i>Nghỉ giữa hai phiên sáng- chiều</i>		<i>11h30 - 13h00</i>	
Phiên trong giờ (chiều)	Khớp lệnh liên tục II	13h00 - 14h30	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh thị trường (MTL)
	Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	14h30 - 14h45	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ATC)
	Giao dịch thỏa thuận	13h00 - 15h00	

\* Lưu ý:

*Trong thời gian nghỉ giữa hai phiên sáng – chiều, Thành viên không được phép:*

+ Nhập lệnh sửa, hủy lệnh của giao dịch khớp lệnh;

+ Quảng cáo giao dịch thỏa thuận, hủy quảng cáo giao dịch thỏa thuận;

+ Thực hiện giao dịch thỏa thuận, hủy giao dịch thỏa thuận chưa thực hiện.

*Thời gian và phương thức giao dịch lô lẻ áp dụng tương tự giao dịch lô chẵn.*

- Đối với giao dịch chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch:

<b>Phương thức giao dịch</b>	<b>Thời gian giao dịch</b>	<b>Loại lệnh giao dịch</b>
Khớp lệnh định kỳ mở cửa	09h00 – 09h15	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh giao dịch tại mức giá khớp

		lệnh xác định giá mở cửa (ATO)
Khớp lệnh định kỳ 1	09h15 – 09h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 2	09h30 – 09h45	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 3	09h45 – 10h00	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 4	10h00 – 10h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 5	10h15 – 10h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 6	10h30 – 10h45	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 7	10h45 – 11h00	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 8	11h00 – 11h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 9	11h15 – 11h30	Lệnh giới hạn (LO)
<i>Nghỉ giữa hai phiên sáng - chiều</i>	<i>11h30 - 13h00</i>	
Khớp lệnh định kỳ 10	13h00 – 13h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 11	13h15 – 13h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 12	13h30 – 13h45	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 13	13h45 – 14h00	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 14	14h00 – 14h15	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ 15	14h15 – 14h30	Lệnh giới hạn (LO)
Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	14h30 – 14h45	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ATC)

*Lưu ý: Chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch chỉ được giao dịch khớp lệnh lô chẵn theo phương thức khớp lệnh định kỳ: gồm đợt khớp lệnh xác định giá mở cửa, sau đó đến các đợt khớp lệnh định kỳ (mỗi đợt kéo dài 15 phút) và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa.*

*Trong đợt khớp lệnh định kỳ mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ đóng cửa, nhà đầu tư không được phép sửa, hủy lệnh. Trong các đợt khớp lệnh định kỳ 1 đến 15, nhà đầu tư không được sửa, hủy 5 phút cuối của đợt khớp lệnh.*

b) Nội dung thực hiện giao dịch

TT	Nội dung	Chi tiết
1.1	Đơn vị giao dịch	
	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm	100
	- Đơn vị giao dịch lô chẵn đối với giao dịch lô chẵn	100, khối lượng tối đa là 500.000
	- Đơn vị giao dịch lô lẻ	1, khối lượng tối đa là 99
	- Đơn vị giao dịch lô lớn	1, khối lượng tối thiểu là 20.000

1.2	Đơn vị yết giá	
	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng	Mức giá
		<10.000
		10.000-49.950
		Đơn vị yết giá
		10 đồng
		50 đồng
		100 đồng
	Chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền có bảo đảm	Áp dụng đơn vị yết giá 10 đồng cho tất cả các mức giá
	Đơn vị yết giá đối với giao dịch thỏa thuận là 1 đồng	
1.3	Biên độ dao động giá	$\pm 7\%$ so với giá tham chiếu
	Biên độ dao động giá của cổ phiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với trường hợp chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu	$\pm 7\%$ so với giá tham chiếu
1.4	Biên độ dao động giá (biên độ dao động giá trong một số trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 31)	
	Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF	$\pm 20\%$ so với giá tham chiếu
	Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch, đình chỉ giao dịch từ hai mươi lăm (25) ngày giao dịch liên tiếp trở lên	
	Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với trường hợp tách doanh nghiệp niêm yết, trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng tiền có giá trị lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước và ngày giao dịch trở lại đối với trường hợp tách doanh nghiệp niêm yết mà không liên quan đến ngày giao dịch không hưởng quyền.	
1.5	Ký hiệu trạng thái chứng khoán	Ký hiệu - Diễn giải: WID - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo liên quan công bố thông tin WFR - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo liên quan báo cáo tài chính WOV - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo khác CTR - Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát RES - Chứng khoán thuộc diện hạn chế giao dịch

		<p>C&amp;R – Chứng khoán bị kiểm soát và bị hạn chế thời gian giao dịch          SUS – Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch          SLS – Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch từ 25 ngày giao dịch liên tiếp trở lên          NWE – Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF niêm yết mới          NWN – Chứng quyền niêm yết mới</p> <p>Các ký hiệu giao dịch không hưởng quyền:          01: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.          02: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng tiền.          04: Giao dịch không hưởng quyền mua.          03: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.          05: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.          06: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.          07: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.          16: Giao dịch không hưởng cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ.</p>
--	--	---

*Ghi chú: Trường hợp chứng khoán bị đặt vào trong hai hay nhiều trạng thái về giao dịch thì chỉ cần hiển thị trạng thái cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp như sau: Đình chỉ giao dịch, Tạm ngừng giao dịch; Hạn chế giao dịch; Kiểm soát; Cảnh báo.*

**2. Thời gian giao dịch chứng khoán niêm yết và nội dung giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

a) Thời gian giao dịch chứng khoán niêm yết từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động. Thời gian giao dịch cụ thể như sau:

- Đối với giao dịch Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ ETF:

Phiên	Phương thức giao dịch	Giờ giao dịch	Loại lệnh giao dịch
-------	-----------------------	---------------	---------------------

Phiên trong giờ (sáng)	Khớp lệnh liên tục I trong giờ (lô chắn/lô lẻ)	09h00 - 11h30	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh thị trường giới hạn (MTL), Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (MOK), Lệnh thị trường khớp và hủy (MAK)
	Giao dịch thỏa thuận trong giờ (lô chắn/lô lẻ)	09h00 - 11h30	Lệnh thỏa thuận, lệnh quảng cáo
<i>Nghỉ giữa hai phiên sáng- chiều</i>		<i>11h30 - 13h00</i>	
Phiên trong giờ (chiều)	Khớp lệnh liên tục II trong giờ (lô chắn/lô lẻ)	13h00 - 14h30	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh thị trường giới hạn (MTL), Lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy (MOK), Lệnh thị trường khớp và hủy (MAK)
	Khớp lệnh định kỳ đóng cửa trong giờ (lô chắn/lô lẻ)	14h30 - 14h45	Lệnh giới hạn (LO), Lệnh giao dịch tại mức khớp lệnh xác định giá đóng cửa (ATC)
	Giao dịch thỏa thuận trong giờ (lô chắn/lô lẻ)	13h00 - 14h45	Lệnh thỏa thuận, lệnh quảng cáo
Phiên sau giờ	Khớp lệnh sau giờ định kỳ lô chắn	14h45 - 14h55	Lệnh giới hạn không có giá
	Khớp lệnh sau giờ liên tục lô chắn	14h55 - 15h00	Lệnh giới hạn không có giá
	Giao dịch thỏa thuận sau giờ (lô chắn/lô lẻ)	14h45 - 15h00	Lệnh thỏa thuận, lệnh quảng cáo

\* Lưu ý:

*Thời gian và phương thức giao dịch lô lẻ áp dụng tương tự giao dịch lô chắn. Trong thời gian nghỉ giữa hai phiên sáng – chiều, Thành viên không được phép:*

- + Nhập lệnh, sửa, hủy lệnh của giao dịch khớp lệnh;
  - + Quảng cáo giao dịch thỏa thuận, hủy quảng cáo giao dịch thỏa thuận;
  - + Thực hiện giao dịch thỏa thuận, hủy giao dịch thỏa thuận chưa thực hiện.
- Đối với giao dịch Trái phiếu:

Phiên	Phương thức giao dịch	Giờ giao dịch	Loại lệnh giao dịch
Phiên sáng	Khớp lệnh liên tục I trong giờ	09h00 - 11h30	Khớp lệnh: Lệnh giới hạn (LO)

	Giao dịch thỏa thuận trong giờ	09h00 - 11h30	Thỏa thuận: Lệnh thỏa thuận, lệnh quảng cáo
<i>Nghỉ giữa hai phiên sáng- chiều</i>		<i>11h30 - 13h00</i>	
Phiên chiều	Khớp lệnh liên tục II trong giờ	13h00 - 14h30	Lệnh giới hạn (LO)
	Khớp lệnh định kỳ đóng cửa trong giờ	14h30-14h45	
	Giao dịch thỏa thuận trong giờ	13h00 - 14h45	
Phiên sau giờ	Giao dịch thỏa thuận sau giờ	14h45 – 15h00	

- Đối với giao dịch chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch: Chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch sẽ bị hạn chế về thời gian giao dịch. Thời gian giao dịch của chứng khoán thuộc diện bị hạn chế giao dịch thực hiện theo quy định của SGDCK.

b) Nội dung thực hiện giao dịch

TT	Nội dung	Chi tiết
2.1	Đơn vị giao dịch	
	cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	Đơn vị giao dịch khớp lệnh đối với cổ phiếu/chứng chỉ quỹ là 100 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ; Đơn vị giao dịch thỏa thuận đối với đối với cổ phiếu/chứng chỉ quỹ là 01 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ và khối lượng giao dịch thỏa thuận tối thiểu đối với cổ phiếu/chứng chỉ quỹ là 5.000 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ
	Trái phiếu	01
2.2	Đơn vị yết giá	Đối với giao dịch khớp lệnh cổ phiếu là 100 đồng; Đối với giao dịch thỏa thuận cổ phiếu là 1 đồng; Đối với giao dịch chứng chỉ quỹ ETF là 1 đồng; Đối với giao dịch trái phiếu doanh nghiệp là 1 đồng.
2.3	Biên độ dao động giá	±10% so với giá tham chiếu (không quy định đối với trái phiếu doanh nghiệp)
2.4	Biên độ dao động giá	
	Biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ mới niêm yết (áp dụng cho đến khi giá đóng cửa được xác lập từ kết quả khớp lệnh lô chẵn)	±30% so với giá tham chiếu
	Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch, đình chỉ giao dịch từ hai mươi lăm (25) ngày giao dịch liên tiếp trở lên cho đến khi	

	xác lập được giá từ kết quả khớp lệnh lô chẵn	
	Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch không hưởng quyền trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu, chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu, trả cổ tức bằng tiền có giá trị lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của ngày giao dịch liền trước, ngày giao dịch trở lại đối với cổ phiếu trong trường hợp tách doanh nghiệp	
2.5	Ký hiệu trạng thái chứng khoán	<p>Ký hiệu – Diễn giải:</p> <p>WID - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo liên quan công bố thông tin</p> <p>WFR - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo liên quan báo cáo tài chính</p> <p>WOV - Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo khác</p> <p>CTR - Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát</p> <p>RES - Chứng khoán thuộc diện hạn chế giao dịch</p> <p>C&amp;R - Chứng khoán bị kiểm soát và bị hạn chế thời gian giao dịch</p> <p>SUS - Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch</p> <p>SLS - Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch từ 25 ngày giao dịch liền tiếp trở lên</p> <p>NWE - Chứng khoán niêm yết mới</p> <p>Các ký hiệu giao dịch không hưởng quyền:</p> <p>01: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.</p> <p>02: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng tiền.</p> <p>04: Giao dịch không hưởng quyền mua.</p> <p>03: Giao dịch không hưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.</p> <p>05: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.</p> <p>06: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.</p> <p>07: Giao dịch không hưởng quyền mua và cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng tiền xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.</p>

		08 : Trái phiếu chuyển đổi 16: Giao dịch không hưởng cổ tức/thường bằng cổ phiếu quỹ.
--	--	--

*Ghi chú:*

- Trường hợp chứng khoán bị đặt vào trong hai hay nhiều trạng thái về giao dịch thì chỉ cần hiển thị trạng thái cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp như sau: Đình chỉ giao dịch, Tạm ngừng giao dịch; Hạn chế giao dịch; Kiểm soát; Cảnh báo.
- Đối với trường hợp chứng khoán không điều chỉnh giá tham chiếu trong ngày giao dịch không hưởng quyền do có thị giá thấp hơn giá phát hành, thấp hơn giá trị chi trả cổ tức. Ký hiệu thực hiện quyền sẽ không hiển thị